



Tổ chức
Lao động
Quốc tế

Hướng dẫn Hài hòa hóa Thống kê Thanh tra Lao động



Quản lý Lao động
Thanh tra Lao động
An toàn và
Sức khỏe Nghề nghiệp

HƯỚNG DẪN HÀI HÒA HÓA THỐNG KÊ THANH TRA LAO ĐỘNG

HƯỚNG DẪN HÀI HÒA HÓA THỐNG KÊ THANH TRA LAO ĐỘNG

Tổ chức Lao động Quốc tế

Các ấn phẩm của Văn phòng Tổ chức Lao động Quốc tế có bản quyền theo Nghị định thư 2 của Công ước Bản quyền Quốc tế. Tuy nhiên, có thể sao chép những trích đoạn ngắn từ những ấn phẩm này mà không cần phải xin phép, với điều kiện là nêu rõ nguồn trích dẫn. Để được phép tái bản hoặc dịch các ấn phẩm, phải nộp đơn cho Bộ phận Ấn phẩm (Bản quyền và Cấp phép) của ILO, Văn phòng Tổ chức Lao động Quốc tế, CH-1211 Geneva 22, Thụy Sĩ, hoặc gửi email tới: rights@ilo.org. Văn phòng Tổ chức Lao động Quốc tế hoan nghênh những đơn xin phép này.

Các thư viện, cơ quan và những người sử dụng khác đã đăng ký với các tổ chức cấp phép tái bản có thể in tài liệu theo giấy phép được ban hành vì mục đích này. Ghé thăm trang www.ifrro.org để biết các tổ chức cấp phép tái bản ở đất nước bạn.

Hướng dẫn hài hòa hóa thống kê thanh tra lao động/Văn phòng Tổ chức Lao động Quốc tế, Ban Quản lý Lao động, Thanh tra Lao động và An toàn – Sức khỏe Nghề nghiệp (LABADMIN/OSH). - Geneva: ILO, 2016.

ISBN: 9789220406175 (web PDF)

Tài liệu có phiên bản bằng tiếng Anh: Guide on the harmonization of labour inspection statistics ISBN 978-92-2-130924-6 (bản in), 978-92-2-130925-3 (bản web 2016)

Tiếng Pháp: Guide sur l'harmonisation des statistiques d'inspection du travail ISBN 978-92-2-230924-5 (bản in), 978-92-2-230925-2 (bản web 2016)

Tiếng Tây Ban Nha: Guía sobre la armonización de las estadísticas sobre la inspección del trabajo ISBN 978-92-2-330924-4 (bản in), 978-92-2-330925-1 (bản web 2016).

ISBN: 978-92-2-130924-6 (bản in)

ISBN: 978-92-2-130925-3 (bản web pdf)

Văn phòng Tổ chức Lao động Quốc tế, Ban Quản lý Lao động, Thanh tra Lao động và An toàn – Sức khỏe Nghề nghiệp.
thanh tra lao động/thu thập dữ liệu/ phương pháp/vai trò của ILO/nghiên cứu trường hợp điển hình/Costa Rica/
Cộng hòa Moldova/Oman/Nam Phi / Sri Lanka / Ukraine
04.03.5

Bản dịch tiếng Việt được thực hiện với sự hỗ trợ tài chính của Bộ Lao động Hoa Kỳ (USDOL) thông qua dự án của ILO “Xây dựng Khung khổ Quan hệ Lao động mới đảm bảo tôn trọng Tuyên bố của ILO về những Nguyên tắc và Quyền cơ bản trong Lao động”.

Biên mục Dữ liệu Xuất bản của ILO

Các quy định áp dụng đối với các ấn phẩm của ILO phù hợp với nguyên tắc của Liên Hợp Quốc, và cách trình bày tài liệu trong ấn phẩm không thể hiện quan điểm của ILO về tình trạng pháp lý của bất cứ quốc gia, khu vực, vùng lãnh thổ hoặc chính quyền hoặc vùng phân định biên giới nào

Các ý kiến đưa ra trong các bài báo, nghiên cứu, và các tài liệu khác có tên tác giả thuộc trách nhiệm của các tác giả, và việc xuất bản các tài liệu này không mang hàm ý rằng ILO ủng hộ những ý kiến/quan điểm được đưa ra trong các tài liệu đó.

Việc viện dẫn tên công ty, sản phẩm hay quy trình thương mại không đồng nghĩa với việc ILO chứng thực các công ty, sản phẩm hoặc quy trình thương mại đó; và việc không viện dẫn hay nhắc đến trong ấn phẩm cũng không có nghĩa là ILO không ủng hộ một công ty, sản phẩm hay quy trình thương mại cụ thể nào.

Các ấn phẩm và sản phẩm điện tử của ILO được phân phối qua các tổ chức phát hành sách lớn và các nền tảng phân phối số, hoặc đặt hàng trực tiếp từ địa chỉ: ilo@turpin-distribution.com. Để biết thêm thông tin, hãy truy cập trang web của chúng tôi: www.ilo.org/publns hoặc liên hệ ilopubs@ilo.org.

Do Phòng Sản xuất, In ấn và Phân phối Tài liệu và Ấn phẩm (PRODOC)
của ILO thực hiện.

*Thiết kế đồ họa và đánh máy, bố cục và dàn trang, in ấn, xuất bản
và phân phối điện tử.*

PRODOC nỗ lực sử dụng giấy có nguồn gốc từ rừng được quản lý một cách
bền vững với môi trường và có trách nhiệm với xã hội.

Mã số: DTP-SCR-REPRO-DISTR

LỜI NÓI ĐẦU

Công tác thống kê trong thanh tra lao động đóng một vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ các Chính phủ, Bộ Lao động và cơ quan thanh tra lao động xây dựng các chính sách, hệ thống, chương trình và chiến lược quốc gia về thanh tra lao động. Thống kê thanh tra lao động cho phép Chính phủ quan sát được các xu hướng trong thị trường lao động và phân tích tốt hơn các vấn đề tuân thủ.

Mặc dù có những đóng góp quan trọng như vậy, Báo cáo 2011 về Quản lý Lao động và Thanh tra Lao động - được thảo luận tại Kỳ họp thứ 100 của Hội nghị Lao động Quốc tế (HNLĐQT) - cho thấy có sự chênh lệch và không nhất quán đáng kể trong việc tổng hợp số liệu thống kê thanh tra lao động của các quốc gia thành viên. Báo cáo cho thấy việc thu thập, tổng hợp, phân tích và sử dụng dữ liệu thanh tra lao động rất khác nhau giữa các quốc gia, thường do sự khác biệt trong việc phân bổ nguồn lực, hệ thống thu thập số liệu, sử dụng thuật ngữ và định nghĩa.

Báo cáo trên kêu gọi sử dụng một phương pháp chung để thu thập và tổng hợp dữ liệu thanh tra lao động nhằm cải thiện tính nhất quán của số liệu thống kê thanh tra lao động mà Quốc gia thành viên cung cấp trong các báo cáo hàng năm theo yêu cầu của Công ước về Thanh tra Lao động, 1947 (số 81) và Công ước về Thanh tra Lao động (Nông nghiệp), 1969 (số 129). Một Kế hoạch Hành động được xây dựng để thực hiện các kết luận của Báo cáo, trong đó đề nghị Văn phòng Tổ chức Lao động Quốc tế tiến hành một nghiên cứu chuyên sâu về các phương pháp thu thập và tổng hợp dữ liệu thanh tra lao động.

Nghiên cứu đã tìm hiểu các phương pháp có thể khả thi và trong đó đã xác định một phương pháp để thí điểm ở 6 quốc gia: Costa Rica, Moldova, Oman, Nam Phi, Sri Lanka và Ukraine. Dựa trên thí điểm này, Văn phòng Tổ chức Lao động Quốc tế đã xác định một phương pháp để thống nhất việc sử dụng các thuật ngữ và định nghĩa phổ biến cũng như quy trình chung để thu thập và tổng hợp dữ liệu thanh tra lao động. Văn phòng cũng kết hợp một số khuyến nghị bổ sung nhằm hướng tới mục tiêu hài hòa hóa thống kê thanh tra lao động.

Tài liệu hướng dẫn này nhằm hỗ trợ các Chính phủ thực hiện phương pháp nêu trên. Sự hỗ trợ này không chỉ nhằm giúp phát triển và củng cố hệ thống thống kê thanh tra lao động mà còn tạo thuận lợi cho việc tăng cường phối hợp và hợp tác giữa các cơ quan thanh tra lao động trong nước, các tổ chức khác của Chính phủ và tất cả các bên liên quan.

Bà Nancy J. Leppink

Trưởng Ban

Ban Quản lý Lao động, Thanh tra Lao động
và An toàn – Sức khỏe Nghề nghiệp
(LABADMIN/OSH)

MỤC LỤC

Lời nói đầu	v
Lời cảm ơn	ix
Từ viết tắt	xi
1. Giới thiệu	1
1.1. Vai trò của Thống kê Thanh tra Lao động	1
1.2. Bản chất của vấn đề	2
1.3. Phản hồi của ILO	6
2. Phương pháp đề xuất để thu thập và hệ thống hóa dữ liệu thống kê thanh tra lao động, dựa trên kết quả thử nghiệm tại 6 quốc gia thí điểm	7
2.1. Mục tiêu	7
2.2. Các khái niệm và định nghĩa	8
2.2.1. Các khái niệm chính	8
2.2.2. Phân tổ và phân loại	11
2.3 Thu thập dữ liệu	14
2.3.1 Phương pháp, quy trình thu thập và trích xuất dữ liệu	14
2.3.2 Kiểm tra chất lượng dữ liệu	15

MỤC LỤC

2.3.3	Lĩnh vực cần thu thập dữ liệu	16
2.3.4.	Nhu cầu hợp tác giữa các cơ quan và tổ chức liên quan	17
2.3.5	Cần hiện đại hóa thiết bị và hệ thống hóa quy trình thu thập, trích xuất dữ liệu	17
2.4.	Đề xuất các chỉ số, phương pháp đo lường và phân tử	18
2.4.1.	Các chỉ số cơ bản	18
2.4.2.	Các chỉ số bổ sung tùy thuộc vào nhu cầu hoặc đặc điểm quốc gia	34
2.5.	Lập bảng dữ liệu	36
2.6.	Phân tích và phiên giải số liệu thống kê	36
2.7.	Những tiến triển tiếp theo và hỗ trợ của ILO	37
2.7.1.	Thiết lập các tiêu chuẩn	37
2.7.2.	Khảo sát sự hài lòng của người sử dụng dịch vụ thanh tra lao động ..	38
2.7.3.	Mô hình chất lượng cơ quan thanh tra lao động	38
2.7.4.	Hỗ trợ và hợp tác kỹ thuật của ILO	38
3.	Kết luận	39
	Phụ lục 1: Danh mục các chỉ số được đề xuất	40
	Phụ lục 2: Ví dụ về các bảng tổng hợp số liệu	57



LỜI CẢM ƠN

Kết quả của nghiên cứu này và phương pháp hài hòa hóa được đề xuất cho việc thu thập và hệ thống hóa số liệu thống kê thanh tra lao động có được là nhờ một Chương trình Phân bổ Ngân sách Đặc biệt và những nỗ lực hợp tác chuyên nghiệp và vô cùng tích cực của cán bộ tại các cơ quan thanh tra lao động quốc gia ở 6 quốc gia thí điểm, cụ thể là Costa Rica, Moldova, Nam Phi, Sri Lanka, Oman và Ukraine, điều mà ILO đánh giá cao.

Hướng dẫn được hoàn thành bởi Ban Quản lý Lao động, Thanh tra Lao động và An toàn Sức khỏe Nghề nghiệp thuộc Vụ Quản trị và Hợp tác Ba bên, kết hợp với Bộ phận Phân tích và Sản xuất Số liệu của Cục Thống kê của ILO.

Chúng tôi xin dành lời cảm ơn đặc biệt đến Bà Maria Luz Vega, Cố vấn Đặc biệt về Quản trị và Tiêu chuẩn quốc tế tại Văn phòng khu vực châu Âu và Trung Á và Ông Joaquim Pintado Nunes, Chuyên gia cao cấp về Thanh tra lao động và An toàn, Sức khỏe Nghề nghiệp (ATSKNN) vì những đóng góp về hướng dẫn kỹ thuật; Bà Rosina Gammarano Lamé, Chuyên gia Kinh tế học, Ông David Glejberman, Chuyên gia Thống kê lao động khu vực và Ông Ludek Rychly, Chuyên gia cao cấp về Đối thoại Xã hội về những đóng góp chuyên môn của họ. Hướng dẫn cũng được hoàn thiện nhờ những ý kiến đóng góp của Ông Andrew Christian, Cán bộ về Quản lý Lao động và Thanh tra Lao động, cũng như sự giám sát của Ông trong quá trình xuất bản tài liệu này.

Rất nhiều đồng nghiệp khác mà chúng tôi không thể liệt kê hết tên ở đây cũng đã tham gia vào quá trình xây dựng và công bố tài liệu này. Chúng tôi xin cảm ơn họ vì những đóng góp quý báu đó.

TỪ VIẾT TẮT

ĐTHGD	Điều tra hộ gia đình
ATSKNN	An toàn, sức khỏe nghề nghiệp
BHXXH	Bảo hiểm xã hội
BNN	Bệnh nghề nghiệp
CNTT-TT	Công nghệ thông tin truyền thông
CSDL	Cơ sở dữ liệu
ĐTLĐ	Điều tra lực lượng lao động
HNLDQT	Hội nghị Lao động Quốc tế
HSHC	Hồ sơ hành chính
ICSE	Hệ thống phân loại quốc tế về tình trạng việc làm
ILO	Tổ chức Lao động Quốc tế
IRIS	Khuyến nghị quốc tế về thống kê công nghiệp
ISCO	Hệ thống phân loại nghề nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế
ISIC	Hệ thống Phân loại ngành theo tiêu chuẩn quốc tế cho tất cả hoạt động kinh tế
KSCS	Khảo sát cơ sở
NLĐ	Người lao động
NSDLĐ	Người sử dụng lao động
SLƯTCT	Số liệu ước tính chính thức
TĐTDS	Tổng điều tra dân số
TNLD	Tai nạn lao động
TTNN	Thương tích nghề nghiệp

1.1. VAI TRÒ CỦA THỐNG KÊ THANH TRA LAO ĐỘNG

Các chức năng chính của một hệ thống thanh tra lao động quốc gia bao gồm: thực thi pháp luật lao động, tư vấn kỹ thuật cho người sử dụng lao động (NSDLĐ) và người lao động (NLĐ) về cách thức tuân thủ luật pháp và quy định hiện hành, và hỗ trợ các cơ quan lập pháp trong việc xác định những lỗ hổng và điểm yếu của khung pháp lý.¹

Thế giới việc làm là một thực tế phức tạp và nhiều mặt, đòi hỏi hệ thống quy định phải ngày càng toàn diện. Sự đa dạng của doanh nghiệp, NLĐ, đặc điểm của các mối quan hệ việc làm, các mô hình quản lý và thị trường lao động chủ yếu bị chi phối bởi các chuỗi hợp đồng toàn cầu, vô số doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ và công nghệ luôn thay đổi, đòi hỏi các cơ quan quản lý lao động phải nỗ lực hơn nữa để theo kịp sự phát triển liên tục và nhanh chóng này. Áp lực ngày càng tăng về trách nhiệm giải trình, sản xuất nhiều hơn với chi phí thấp hơn, yêu cầu của các Chính phủ về việc xây dựng chính sách, thiết kế chiến lược phù hợp, lập kế hoạch hoạt động và đánh giá kết quả dựa trên số liệu thống kê chính xác và đáng tin cậy. Dữ liệu thu thập được thông qua các cuộc thanh tra về NLĐ và điều kiện làm việc của họ là rất quan trọng với Bộ lao động và tất cả các bên trong hệ thống quản lý lao động - vì thanh tra lao động có đặc quyền tiếp cận nơi làm việc. Điều này tạo cơ hội để có được thông tin cập nhật một cách thường xuyên và có thể hỗ trợ các cơ quan quản lý, các đối tác xã hội và các nhà nghiên cứu phát triển chuyên môn phù hợp với nhu cầu của họ. Ví dụ, việc phân tích số liệu thống kê được công bố về tai nạn lao động (TNLĐ), thương tích nghề nghiệp (TTNN) và bệnh nghề nghiệp (BNN) tạo điều kiện cho việc nghiên cứu xu hướng của những thương tích chết người và không chết người trong một khoảng thời gian nhất định, cung cấp cho Chính phủ số liệu để thiết kế các chính sách và chương trình quốc gia về an toàn và sức khỏe tại nơi làm việc. Thông tin thu thập được thông qua các cuộc thanh tra về lao động trẻ em và việc làm không khai báo có thể giúp Chính phủ hiểu rõ hơn về những hiện tượng này và do đó xác định các hành động cần thực hiện.

Ở cấp độ tổ chức, số liệu thống kê có thể là một nguồn tài nguyên quý giá có thể giúp thanh tra lao động hiểu đúng môi trường nơi họ hoạt động và nhu cầu của NLĐ và NSDLĐ. Dựa trên thông tin chính xác và cập nhật, các cơ quan thanh tra lao động có thể thiết kế các kịch bản để dự đoán sự thay đổi, chuẩn bị phương pháp xử lý những xu hướng quan sát được, xác định các lựa chọn chiến lược và giải quyết các thách thức với những mô hình phương pháp luận tốt nhất. Ngoài ra, các mô hình trong các lĩnh vực kinh tế, khu vực và doanh nghiệp có thể được xác định nhằm cung cấp thông tin cơ bản hữu ích để lập bản đồ rủi ro, giảm sự không chắc chắn và tăng xác suất thành công.

¹ Điều 3 của Công ước về Thanh tra Lao động, 1947 (số 81)

http://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=1000:12100:0::NO:12100:P12100_INSTRUMENT_ID:312226

Thống kê thanh tra lao động cũng sẽ giúp phân tích mức độ thực hiện các Tiêu chuẩn Lao động Quốc tế ở mỗi quốc gia, khi hệ thống thanh tra lao động ghi lại và tổng hợp các biến số cần thiết. Ví dụ, việc phân tích báo cáo Thanh tra Lao động hàng năm do các Chính phủ gửi tới ILO sẽ cho thấy mức độ các quốc gia đang áp dụng Điều 8 của Công ước về Thanh tra Lao động, 1947 (số 81) – trong đó yêu cầu phải tuyển dụng cả thanh tra viên nam và nữ. Ở nhiều quốc gia, cơ quan thanh tra lao động cũng là một nguồn thông tin quan trọng cho các Chính phủ khi cần báo cáo với ILO về việc thực hiện các công ước về lao động trẻ em, ATSKNN, tiền lương, giờ làm việc và nhiều Công ước khác.

1.2. BẢN CHẤT CỦA VẤN ĐỀ

Các cơ quan thanh tra lao động không phải lúc nào cũng nhận thức được sự phong phú của số liệu thống kê hoặc có đủ năng lực để thu thập hoặc phân tích số liệu đó. Việc sử dụng số liệu thống kê thanh tra lao động và cách thức phiên giải số liệu này cũng khác nhau giữa các quốc gia. Ở một số quốc gia, thanh tra lao động không thể xây dựng chiến lược dựa trên số liệu thống kê vì không đủ nguồn lực, đặc biệt là thiếu các hệ thống đăng ký hiện đại và cập nhật. Trong một số trường hợp khác, thanh tra cần hỗ trợ chuyên môn để đưa ra và kiểm tra các giả thuyết, nhưng một số tổ chức có năng lực thích hợp không hợp tác vì lý do bản chất của thông tin (ví dụ: bí mật công nghiệp và thương mại; số liệu nhạy cảm cần được bảo vệ). Ở một số quốc gia, các hệ thống thông tin hoàn hảo cung cấp số liệu toàn diện cho các cơ quan công quyền về số doanh nghiệp, số NLĐ và điều kiện làm việc của họ (ví dụ: Bỉ, Hà Lan, Tây Ban Nha và Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất); nhưng ở những quốc gia khác, rất khó để có được tên và địa chỉ của các doanh nghiệp.

Khi có chuyên môn và có số liệu thống kê, kinh nghiệm của các cơ quan thanh tra lao động về thu thập, tổ chức, phân tích, phiên giải, sử dụng và trình bày dữ liệu tương đối đa dạng, tùy thuộc vào bối cảnh như hệ thống hiện có (chỉ có một hay có nhiều cơ quan thanh tra lao động, thuộc một hay nhiều bộ ngành, hệ thống tập trung hay phi tập trung²), các yêu cầu pháp lý để có quyền truy cập số liệu riêng tư, và sự tinh vi của phần mềm được sử dụng để nhập dữ liệu về các cuộc thanh tra và quy trình thanh tra.

Ngoài ra, các Chính phủ tuân theo những hướng dẫn khác nhau trong việc xây dựng các báo cáo thống kê thanh tra lao động của mình, tạo ra sự khác biệt giữa các thông tin có sẵn. Ví dụ, đối với các cuộc thanh tra, một số Chính phủ thiếu phương tiện để cung cấp thông tin chính xác và đầy đủ, trong khi những Chính phủ khác, với các nguồn lực sẵn có, lại không coi số liệu thống kê thanh tra lao động là một ưu tiên.

Việc phân tích số liệu thống kê do các quốc gia báo cáo cho thấy sự khác biệt về khái niệm, ngay cả về định nghĩa thế nào là một cuộc thanh tra, một TNLD hoặc BNN. Một số quốc gia không phân biệt giữa số cuộc thanh tra được tiến hành và số hoạt động thanh tra. Các khái niệm "thanh tra" và "chuyến thăm" có thể có ý nghĩa khác nhau. Ví dụ, ở Hà Lan, một quy trình thanh tra được định nghĩa là toàn bộ các hoạt động và những theo dõi tiếp theo, chẳng hạn như các cuộc kiểm tra nhắc lại tới cùng một doanh nghiệp, và triển khai các công cụ thực thi pháp luật, tất cả tạo thành một phần của cuộc thanh tra đã được lên kế hoạch hoặc của một cuộc điều tra liên quan đến một doanh nghiệp cụ thể. Trong khi đó, ở các nước Trung Mỹ, không có sự khác biệt rõ ràng giữa hai khái niệm trên, họ sử dụng hai thuật ngữ này với nghĩa như nhau.

Bản thân khái niệm "cuộc thanh tra" cũng khác nhau giữa các quốc gia trong công tác thống kê. Có những quốc gia chỉ tính chuyến thăm đầu tiên là cuộc thanh tra, trong khi một số quốc gia khác tính cả các cuộc kiểm tra sau đó cũng là thanh tra; một số quốc gia lại tính rằng trong cùng một chuyến đi, khi theo dõi các chủ đề khác nhau, hoặc đến nhiều doanh nghiệp tại cùng một nơi làm việc thì tính là nhiều cuộc. Trong nhiều trường hợp, không có thông tin cụ thể về bản chất của chuyến thăm (thăm lần đầu, thăm sau thanh tra, các chuyến thăm khác). Nói chung, chỉ có tổng số chuyến thăm mà không có bất kỳ lời giải thích nào về cách thu thập con số đó.

Liên quan đến biến số phân loại "đơn vị kinh tế", một số quốc gia không phân biệt giữa "doanh nghiệp" và "cơ sở", hoặc giữa "ngành" và "nơi làm việc"

² Ở các quốc gia liên bang, như Úc và Đức, rất khó tìm thấy số liệu thống kê tổng hợp về thanh tra lao động vì tính chất liên bang của chính quyền; điều này gây ra những hạn chế nhất định cho việc tạo số liệu tổng hợp quốc gia vì mỗi khu vực hoặc tiểu bang có đặc điểm và định hướng khác nhau.

Hầu hết các hồ sơ cuộc thanh tra không cung cấp thông tin về bản chất, thời gian và kết quả thanh tra. Điều này đã được ghi nhận trong các báo cáo của chính phủ Colombia, Estonia và Ba Lan. Ở Nam Mỹ, chỉ có Brazil và Argentina có số liệu đầy đủ về số cuộc thanh tra được thực hiện. Không có nhiều quốc gia cung cấp số liệu thống kê về số cuộc thanh tra trong hai năm về trước hoặc lâu hơn. Các quốc gia như Armenia, Bosnia & Herzegovina, Montenegro và Na Uy cung cấp số liệu thống kê về các cuộc thanh tra nhưng chỉ đề cập đến một năm cụ thể. Điều này tạo ra khó khăn trong việc ước tính xu hướng chung khi nghiên cứu biến này.

Về số lượng thanh tra viên, hầu hết các nước châu Âu cung cấp số liệu thống kê này (ví dụ: Albania, Armenia, Áo, Bỉ, Cộng hòa Síp, Đan Mạch, Pháp, Hy Lạp, Hungary, Ireland, Ý, Luxembourg, Bồ Đào Nha, Romania, Tây Ban Nha, Ukraine và Vương quốc Anh). Tuy nhiên, trong số các quốc gia báo cáo số liệu này năm 2010, chỉ có 9 quốc gia có con số riêng cho thanh tra viên nữ và nam cũng như cung cấp thông tin về việc Chính phủ thực hiện Điều 8 của Công ước số 81 như thế nào.

Việc sử dụng các khái niệm khác nhau gây khó khăn cho việc so sánh quốc tế. Ví dụ, một số quốc gia báo cáo số thanh tra viên làm việc Tương đương Toàn thời gian (Full-Time Equivalents), bao gồm tổng số giờ làm việc chia cho thời gian làm việc trung bình hàng năm của các công việc toàn thời gian trong một khu vực kinh tế. Mặc dù phương pháp này có thể cải thiện khả năng so sánh số liệu, nhưng nó không thể sử dụng được trong thực tế vì rất ít quốc gia tổng hợp thông tin theo cách này.

Ở cấp quốc gia, một số tài liệu, báo cáo và trang web có thể công bố số liệu thống kê và thông tin khác nhau về cùng một chủ đề và giai đoạn, do sử dụng các phương pháp, khái niệm, định nghĩa và phân loại số liệu không chuẩn hóa hoặc do lỗi của con người và kỹ thuật.

Hơn nữa, đối với tất cả các hệ thống đăng ký hành chính, thống kê thanh tra lao động cần được cập nhật liên tục, có nghĩa là khung khái niệm phải đảm bảo rằng các phương pháp và thông tin được thiết kế và thực hiện tốt một cách nhất quán trong tương lai.

Giữa các quốc gia, bộ số liệu thống kê được thu thập và sản xuất bởi cơ quan thanh tra lao động khác nhau ở nhiều khía cạnh. Việc thiếu định nghĩa thống nhất về các thuật ngữ cụ thể, cách phân loại và các chỉ số thống kê làm cho việc hài hòa hóa trở nên khó khăn và có thể dẫn đến các sai sót có hệ thống khi sử dụng thông tin. Vẫn cần phải thu thập số liệu định lượng cần thiết cho việc xây dựng các phương pháp so sánh có ý nghĩa giữa các khu vực và quốc gia và giữa các giai đoạn để phân tích thay đổi trong các biến có liên quan đến thanh tra lao động. Để phát triển các nghiên cứu toàn diện và có thể so sánh giữa các khu vực và quốc gia, thông tin cần phải dựa trên các khái niệm, định nghĩa, phân loại và chỉ số chung.

Tại thời điểm này, ở cấp quốc tế không có phương pháp chuẩn nào áp dụng cho thống kê thanh tra lao động. Thông tin có sẵn về thanh tra lao động đối với hầu hết các quốc gia được lấy từ hồ sơ hành chính, áp dụng phương pháp sản xuất số liệu thống kê thanh tra lao động theo cách riêng của quốc gia. Các bộ ngành, cơ quan thanh tra lao động hoặc cơ quan Chính phủ chịu trách nhiệm thu thập, biên soạn hoặc công bố các thông tin đó đều có yêu cầu và tiêu chí hành động riêng, do đó gây khó khăn cho việc nghiên cứu xu hướng ở các quốc gia khác nhau, so sánh giữa các quốc gia và phiên giải chính xác các số liệu.

Các quốc gia phê chuẩn Công ước số 81 và 129 đã cam kết nộp báo cáo hàng năm cho ILO về các biện pháp đã triển khai để thực hiện các tiêu chuẩn này. Khuyến nghị³ đi kèm hai Công ước nêu chi tiết những thông tin tối thiểu cần có trong các báo cáo hàng năm, bao gồm:

- Pháp luật và quy định liên quan đến công việc của cơ quan thanh tra;
- Nhân lực của cơ quan thanh tra lao động, phân tách theo chức danh, giới tính và khu vực địa lý;
- Số liệu thống kê về nơi làm việc thuộc phạm vi quản lý của thanh tra lao động và số NLĐ của những cơ sở đó, nêu rõ số NLĐ trung bình làm việc tại cơ sở trong mỗi năm, phân tách theo giới tính, đặc biệt gồm số lao động trẻ và chưa thành niên;
- Số cơ sở lao động đã được thanh tra, số NLĐ làm việc tại cơ sở, số cuộc thanh tra vào ban ngày và ban đêm, và số cơ sở đã được thanh tra hơn một lần một năm;
- Các sai phạm và hình phạt đã áp dụng, bao gồm số vụ vi phạm được báo cáo cho các cơ quan chức năng và chi tiết về các hình thức xử phạt;
- Thống kê TNLĐ, bao gồm số vụ đã khai báo theo ngành, nghề, nguyên nhân và mức độ nghiêm trọng;
- Thống kê BNN, bao gồm số vụ đã khai báo theo ngành, nghề và nguyên nhân.

Việc thiếu số liệu thống kê thể so sánh đã được công nhận là một vấn đề từ năm 1996 khi Ủy ban Chuyên gia về Áp dụng các Công ước và Khuyến nghị (CEACR) của ILO nhận thấy rằng báo cáo hàng năm của các quốc gia không phải lúc nào cũng cung cấp thông tin về TNLĐ và BNN, và kêu gọi sử dụng khuyến nghị của ILO về chủ đề này.⁴ Năm 2006, khi ILO thực hiện Khảo sát Chung về Thanh tra Lao động, Ủy ban cảnh báo rằng "mặc dù thông tin về số thanh tra viên lao động hoặc cán bộ thanh tra được gửi đến ILO thường xuyên, tuy nhiên rất khó để đánh giá thông tin đó theo các quy định liên quan của Công ước (...)" . Sự đa dạng của các chức danh thanh tra khác nhau được đề cập bởi các văn kiện nói trên khiến việc so sánh trở nên rất khó khăn".⁵ Một lần nữa, vào năm 2010,⁶ Ủy ban lấy làm tiếc về việc thiếu số liệu thống kê về số cơ sở thuộc phạm vi kiểm soát của cơ quan thanh tra lao động. Sau đó, người ta đã đề cập rằng việc không có số liệu nói trên là một trở ngại nghiêm trọng đối với việc đánh giá tỷ lệ bao phủ của dịch vụ thanh tra liên quan đến phạm vi thẩm quyền được quy định trong luật pháp quốc gia. Ủy ban yêu cầu các Chính phủ nỗ lực tạo ra hoặc cải thiện hệ thống quản lý dữ liệu về tất cả các đơn vị kinh tế thuộc đối tượng của thanh tra lao động. Việc trao đổi số liệu thống kê thông qua hợp tác với các tổ chức khác như cơ quan thuế, an sinh xã hội, cảnh sát, cơ quan tư pháp và các tổ chức nghề nghiệp cũng được khuyến nghị.

Báo cáo năm 2011 của ILO về Quản lý Lao động và Thanh tra Lao động, được đưa ra thảo luận tại Kỳ họp thứ 100 của HNLĐQT, tuyên bố rằng "sự khác biệt về khái niệm, tiêu chí và thông số trong thiết kế của các hồ sơ quản lý hành chính, cùng với sự thiếu đồng nhất về nguồn dữ liệu được chọn, thiếu dữ liệu hoặc việc tổng hợp dữ liệu không nhất quán, tất cả đều gây khó khăn cho việc phân tích so sánh dữ liệu giữa các quốc gia và giữa các khu vực hoặc cho việc xác định các xu hướng hoặc tỷ lệ có ý nghĩa dựa trên thông tin và hồ sơ có sẵn".⁷

³ Điều 9 của Khuyến nghị về Thanh tra Lao động, 1947 (số 81) http://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=1000:12100:0::NO:12100:P12100_INSTRUMENT_ID:312419 và Điều 13 của Khuyến nghị về Thanh tra Lao động (Nông nghiệp), 1969 (số 133); http://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=1000:12100:0::NO:12100:P12100_INSTRUMENT_ID:312471

⁴ *Ghi chép và khai báo TNLĐ, BNN*. Quy tắc thực hành của ILO. Geneva, Văn phòng Lao động Quốc tế, 1966. http://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/@ed_protect/@protrav/@safework/documents/normativeinstrument/wcms_107800.pdf

⁵ ILO: Khảo sát chung, 2006, đoạn 194. [http://www.ilo.org/public/libdoc/ilo/P/09661/09661\(2006\)1B.pdf](http://www.ilo.org/public/libdoc/ilo/P/09661/09661(2006)1B.pdf)

⁶ Xem NORMLEX: Quan sát chung (CEACR) Kỳ họp thứ 99 của HNLĐQT, tháng 6 năm 2010

⁷ Báo cáo V, Quản lý Lao động và Thanh tra Lao động, Kỳ họp 100 của HNLĐQT, tháng 6 năm 2011, đoạn 331. http://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/@ed_norm/@relconf/documents/meetingdocument/wcms_153918.pdf

Lời kêu gọi hài hòa hóa thống kê thanh tra lao động này không chỉ nhấn mạnh sự cần thiết phải xây dựng và tăng cường công tác thống kê thanh tra lao động mà còn chỉ rõ tầm quan trọng của sự hợp tác giữa các cơ quan thanh tra lao động và cơ quan thống kê để tăng năng lực của các quốc gia trong việc tạo ra các chỉ số thanh tra lao động có ý nghĩa.

Trên thực tế, nhiều quốc gia không cung cấp số liệu thống kê thanh tra lao động phù hợp để phục vụ cho phân tích và thiếu phương tiện để trình bày các điều kiện của hệ thống thanh tra lao động từ quan điểm thống kê. Ví dụ như một số nước đang phát triển ở châu Phi, vùng Địa Trung Hải và Đông Âu, nơi các Chính phủ không thu thập thông tin thống kê cần thiết để báo cáo về việc áp dụng Công ước số 81 và 129. Các Chính phủ cũng sử dụng những thông số khác nhau để lập báo cáo về thanh tra lao động, tạo ra sự bất cân xứng giữa các quốc gia mà tổng hợp nhiều dữ liệu và số liệu hơn các quốc gia khác.

Cần lưu ý sự khác biệt giữa thông tin được công bố bởi các cơ quan quốc gia khác nhau. Điều này thường xảy ra do việc sử dụng các khái niệm và phương pháp không đồng nhất. Đã nhiều lần, người ta giải thích về cách thức thu thập số liệu. Các kho lưu trữ thông tin không được cập nhật thường xuyên, làm cho xu hướng quốc gia trở nên khó nhìn thấy và sự so sánh quốc tế không rõ ràng. Nhiều quốc gia ở châu Phi (ví dụ: Algeria, Ethiopia, Ghana, Guinea, Kenya, Tanzania và Uganda) không tổng hợp đầy đủ thông tin liên quan đến các nội dung như số nơi làm việc được thanh tra, các hình phạt đã áp dụng, số TTNN và BNN. Ở một số quốc gia Trung Mỹ (ví dụ: Cộng hòa Dominica, Guatemala và Nicaragua) có sẵn thông tin về số vụ vi phạm pháp luật lao động, trong khi ở các quốc gia khác trong cùng khu vực lại có ít thông tin hơn.

Tóm lại, khi các Chính phủ sử dụng những phương pháp khác nhau để sản xuất thông tin và số liệu thống kê liên quan đến thanh tra lao động trong quá trình áp dụng Công ước số 81 và 129 của ILO, có sự khác biệt trong việc đánh giá các kết quả có sẵn vì một số quốc gia nỗ lực hoặc có khả năng thu thập và phổ biến nhiều số liệu thống kê hơn các quốc gia khác. Khi nói đến việc xác định phạm vi của các biến có liên quan đến thu thập số liệu thống kê thanh tra lao động, có sự khác biệt về mặt khái niệm giữa các nguồn số liệu có sẵn. Điều này làm cho việc hài hòa hóa trở nên khó khăn và có thể dẫn đến hiểu sai khi sử dụng những thông tin đó. Hơn nữa, do việc sử dụng các phương pháp thu thập dữ liệu không chuẩn và sự khác biệt về mặt khái niệm, các cơ quan công quyền có thể công bố các bộ số liệu thống kê khác nhau và không nhất quán với nhau.

Về vấn đề này, vẫn còn nhiều điều cần được khám phá và phát triển đối với công tác thống kê thanh tra lao động:

- Việc hài hòa hóa và chuẩn hóa các khái niệm phải được tiến hành để giúp các quốc gia sản xuất và phiên giải số liệu thống kê. Sử dụng các khái niệm, đơn vị và thuật ngữ chung sẽ giúp các quy trình ra quyết định hiệu quả hơn và thu được kết quả chính xác hơn.
- Việc thiết lập và thực hiện một phương pháp được chấp nhận để thống kê về thanh tra lao động là rất quan trọng. Xác định một lộ trình phương pháp luận nhất quán về nội dung này sẽ giúp biểu thị thanh tra lao động như một chủ thể có hệ thống và kỷ luật hơn.
- Việc cải thiện thống kê thanh tra lao động quốc gia sẽ cung cấp cho Chính phủ và các đối tác xã hội kiến thức tốt hơn về điều kiện làm việc, các phương pháp khả thi để cải thiện những điều kiện này và do đó nâng cao tuân thủ pháp luật lao động.
- Việc sử dụng một bộ chỉ số chung và cách thức phân loại chung cho tất cả các chỉ số về thanh tra lao động sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân tích quốc gia và giúp đánh giá tốt hơn nhu cầu thực tế và tác động của thanh tra lao động ở mỗi quốc gia và trong khu vực.
- Một hệ thống thống kê thanh tra lao động hài hòa hóa cũng sẽ hỗ trợ cho các Chính phủ thực hiện những yêu cầu báo cáo của mình cho ILO về việc thực hiện Công ước số 81 và 129 đã được phê chuẩn, bao gồm tất cả các thông tin liên quan.

- Hệ thống thanh tra lao động là một phương tiện quan trọng để đạt được công bằng giới tại nơi làm việc, thông qua việc tuân thủ và bảo vệ tất cả NLD nam và nữ theo pháp luật lao động quốc gia. Các số liệu thống kê và chỉ số về thanh tra lao động nếu chỉ được phân tách theo giới tính thì chưa đủ để cho phép phân tích giới phù hợp với nhu cầu chính sách. Việc tổng hợp số liệu thống kê, ví dụ, về số thanh tra viên nam và nữ theo quốc gia và theo năm – như được quy định trong Công ước số 81 và 129 là phù hợp. Các chỉ số này sẽ hỗ trợ việc so sánh trong và giữa các quốc gia, và giúp xác định những thay đổi trong các yếu tố của bình đẳng giới theo thời gian.

1.3. PHẢN HỒI CỦA ILO

Như đã đề cập ở trên, việc thiếu số liệu thống kê hài hòa về thanh tra lao động đã được ghi nhận trong Báo cáo Chung về Quản lý Lao động và Thanh tra Lao động, được thảo luận tại Kỳ họp thứ 100 của HNLĐQT vào tháng 6 năm 2011. Báo cáo nhận thấy rằng một phương pháp chung để tổng hợp dữ liệu về thanh tra lao động "sẽ cho phép trao đổi thông tin có ý nghĩa, là một công cụ thiết yếu trong lập kế hoạch, xây dựng chương trình và đánh giá các hoạt động thanh tra".⁸

Sau HNLĐQT, một Kế hoạch Hành động để theo dõi việc thực hiện các Kết luận về Quản lý Lao động và Thanh tra Lao động đã được phê duyệt tại Phiên họp thứ 312 của Hội đồng Quản trị ILO vào tháng 11 năm 2011. Kế hoạch hành động này kêu gọi Văn phòng Lao động Quốc tế tham gia vào một nghiên cứu chuyên sâu nhằm đề xuất việc xây dựng một phương pháp thống kê hiệu quả.

Đáp lại lời kêu gọi đó, một dự án cho 6 quốc gia⁹ đã được xây dựng, với mục tiêu xác định các nguồn thông tin được sử dụng để sản xuất số liệu thống kê thanh tra lao động, kiểm kê xem hiện có bao nhiêu khái niệm và định nghĩa,¹⁰ biến, phương pháp phân loại và hệ thống mã hóa, và đưa ra các khuyến nghị về việc hài hòa hóa số liệu thống kê thanh tra lao động dựa trên kết quả thu được từ các quốc gia thí điểm trên. Các hội thảo thăm định ba bên cấp quốc gia đã được tổ chức để thảo luận về cách thức và mức độ các hệ thống dữ liệu hiện hành có thể được điều chỉnh để phù hợp với một phương pháp đã được hài hòa hóa.

Sau khi thực hiện phương pháp thử nghiệm, kinh nghiệm từ các quốc gia thí điểm đã được phân tích, tiếp đó là hệ thống hóa số liệu thống kê có sẵn cho từng quốc gia, xác định các khoảng trống và nhu cầu điều phối để đưa ra một nghiên cứu so sánh dựa trên đó xây dựng một bộ chỉ số thống kê thanh tra lao động cơ bản nhằm phục vụ cho việc xây dựng chính sách, thực hiện, giám sát và đánh giá hệ thống thanh tra lao động quốc gia. Một mẫu "danh mục đầu ra" mà các cơ quan thanh tra lao động ở mỗi quốc gia cần (tối thiểu) phải sản xuất đã được thiết kế.

Các chỉ số được chia thành: chỉ số bối cảnh, chỉ số nguồn lực, chỉ số công việc được thực hiện, chỉ số hiệu suất và chất lượng.

Phần 2 cung cấp những phát hiện và kết luận chính của dự án này và đề xuất một phương pháp để hệ thống hóa số liệu thống kê thanh tra lao động.

⁸ Báo cáo V, Quản lý Lao động và Thanh tra Lao động, như đã đề cập ở trên, đoạn 332

⁹ Costa Rica, Moldova, Nam Phi, Sri Lanka, Oman và Ukraine. Quốc gia được lựa chọn dựa trên kết quả ưu tiên quốc gia cho Chương trình và Ngân sách 2012/2013 theo Kết quả 11, chỉ số 11.2.

¹⁰ Các khái niệm bao gồm khái niệm thanh tra lao động, đơn vị kinh tế, dân số có việc làm được bao phủ bởi thanh tra lao động, hành động thanh tra, TNLD, TTNN và BNN – cùng một số khái niệm khác.

2 PHƯƠNG PHÁP ĐỀ XUẤT ĐỂ THU THẬP VÀ HỆ THỐNG HÓA DỮ LIỆU THỐNG KÊ THANH TRA LAO ĐỘNG, DỰA TRÊN KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TẠI 6 QUỐC GIA THÍ ĐIỂM

Như đã đề cập trong Phần 1, mục đích của nghiên cứu này gồm hai phần: i) xây dựng một bộ chỉ số cho phép các quốc gia đánh giá - trên cơ sở so sánh - hiệu suất và hiệu quả của hệ thống thanh tra lao động của mình, để từ đó xác định các lĩnh vực cần cải thiện; và ii) đánh giá năng lực sản xuất dữ liệu hiện tại của cơ quan thanh tra lao động để khai thác các số liệu thống kê thu được, nhằm cung cấp cho công chúng và tất cả cơ quan liên quan những số liệu thống kê tin cậy mà không thể thu thập được từ các nguồn khác. Trong các Phần sau, từ kết quả của các quốc gia thí điểm, các phát hiện được tổng hợp và sử dụng để xây dựng một bộ chỉ số chặt chẽ và toàn diện. Một phương pháp cũng được đề xuất, để hỗ trợ các quốc gia với các hệ thống thanh tra lao động khác nhau tạo ra một bộ số liệu thống kê thanh tra lao động có ý nghĩa.

2.1. MỤC TIÊU

Việc thiết kế một phương pháp chuẩn để thu thập và xử lý số liệu thống kê thanh tra lao động là để cung cấp cho các quốc gia một bộ chỉ số ngắn gọn và các biện pháp để đánh giá hệ thống thanh tra lao động của mình. Việc định lượng hoặc đo lường chất lượng của một hệ thống thanh tra lao động là một nhiệm vụ rất khó khăn và đầy thách thức. Tuy nhiên, thiết lập một hệ thống chặt chẽ các chỉ số thống kê về thanh tra lao động sẽ là một bước tiến lớn theo hướng đó. Do đó, phương pháp thống kê được đề xuất trong tài liệu này nhằm giúp các quốc gia đánh giá hệ thống thanh tra lao động của mình: hoạt động, hiệu suất và hiệu quả, cũng như tiến bộ đạt được theo thời gian. Ở đây, số liệu thống kê xuất hiện dưới dạng một công cụ: việc sản xuất, giám sát và phân tích dữ liệu kịp thời, hợp lệ, đáng tin cậy từ hồ sơ thanh tra lao động sẽ góp phần tăng cường hiệu quả của hệ thống thanh tra lao động và cải thiện chức

năng của chúng. Số liệu thống kê được tạo ra cần được phiên giải để xác định các lĩnh vực chính cần cải thiện hoặc đòi hỏi nhiều nỗ lực hơn, cũng như tìm ra các hoạt động dường như đang có hiệu quả.

Từ góc độ tổng quát hơn, mục tiêu tổng thể của nghiên cứu này là thiết kế một phương pháp giúp các quốc gia khai thác sự phong phú về mặt thống kê của những hồ sơ hành chính của mình, thường ít khi được sử dụng như một nguồn dữ liệu thống kê, cụ thể hơn là hồ sơ thanh tra lao động. Hệ thống thanh tra lao động có một vị trí đặc biệt để thu thập dữ liệu có giá trị về nhiều chủ đề liên quan đến thị trường lao động, chẳng hạn như TNLD, TTNN và BNN, bảo trợ xã hội, công việc không khai báo, lao động trẻ em, lao động cưỡng bức, bảo vệ NLD đang làm cha mẹ, vấn đề phân biệt đối xử, và các nội dung khác cũng thuộc trách nhiệm của thanh tra lao động như hành động công nghiệp, công đoàn, thương lượng tập thể, v.v. Trên thực tế, một số chủ đề nói trên không thể hoặc không dễ dàng nắm bắt hoặc đo lường với các nguồn thống kê truyền thống hơn, chẳng hạn như khảo sát hộ gia đình hoặc cơ sở. Điều này càng cho thấy tầm quan trọng của hệ thống hồ sơ thanh tra lao động trong việc đưa ra số liệu thống kê.

Hệ thống hồ sơ thanh tra lao động chứa những thông tin về hoạt động của cơ quan thanh tra lao động và các thông tin liên quan đến các sự kiện (ví dụ, TTNN, không chi trả các quyền lợi liên quan đến tiền lương, v.v.) hoặc đơn vị cụ thể và đặc điểm của họ (ví dụ doanh nghiệp chịu trách nhiệm, quy mô và ngành nghề của họ, người khiếu nại và giới tính của họ, và loại sai phạm được báo cáo, v.v.). Sử dụng hệ thống hồ sơ này để làm cơ sở cho việc thống kê thanh tra lao động giúp chúng ta không phải thu thập thêm dữ liệu (chẳng hạn như làm khảo sát) và về nguyên tắc, các hồ sơ đó có đầy đủ các đơn vị kinh tế để lập các bảng tổng hợp. Tuy nhiên, sự khác biệt giữa các định nghĩa theo lý thuyết và các định nghĩa và biến số thu thập trên thực tế là điều rất quan trọng và cần được giải quyết.

Ở những quốc gia mà hệ thống thống kê quốc gia chưa phát triển cao và không thường xuyên thực hiện khảo sát hộ gia đình hoặc cơ sở để thu thập thông tin cơ bản liên quan đến thống kê lao động, hồ sơ hành chính do thanh tra lao động lưu giữ là một nguồn thông tin có giá trị. Đối với các quốc gia đó, nghiên cứu và phương pháp đề xuất trong tài liệu này có thể là một cơ hội để họ có được những số liệu thống kê cơ bản chưa có hay kể cả đã có sẵn thông qua hồ sơ thanh tra lao động.

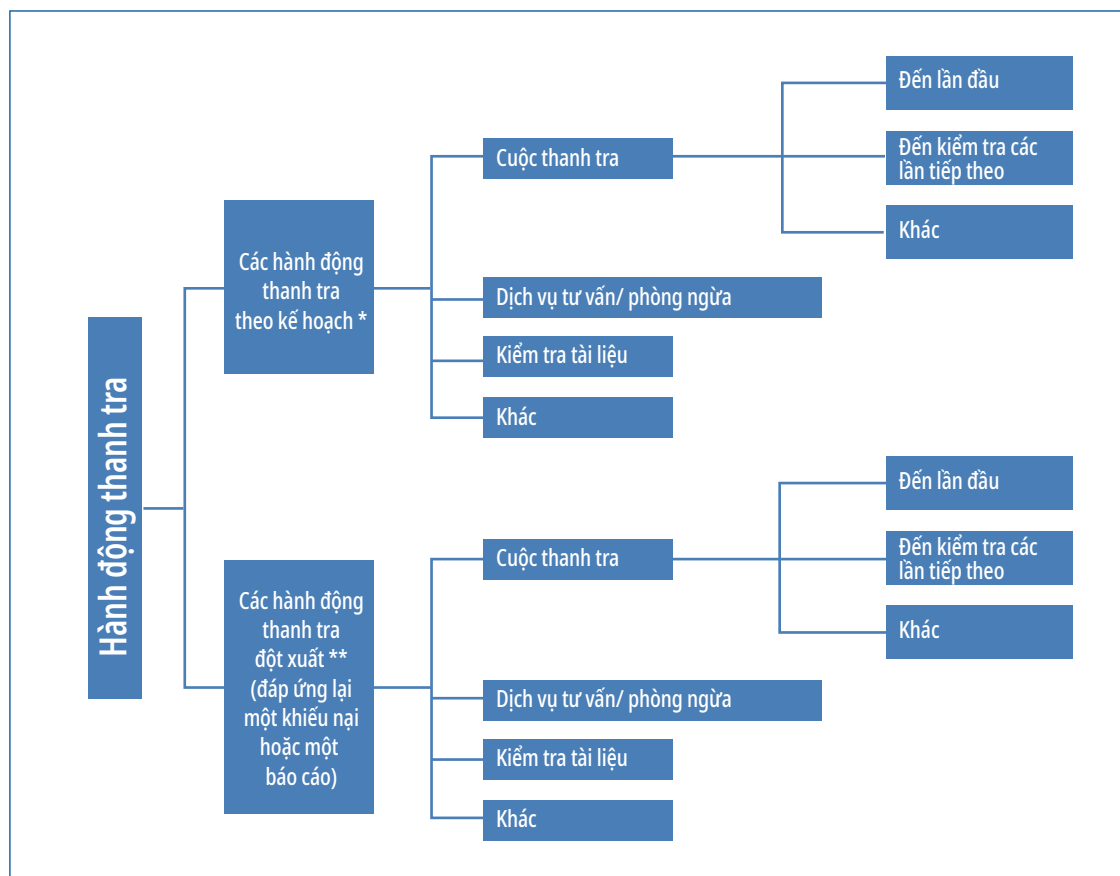
Vì tất cả các lý do trên, một phương pháp thống kê hài hòa sẽ giúp củng cố và cải thiện hệ thống thanh tra lao động quốc gia, đồng thời sẽ có thêm lợi ích từ việc so sánh dữ liệu giữa các quốc gia. Hiện tại, số liệu thống kê thanh tra lao động hầu như không thể so sánh giữa các quốc gia, do sử dụng các khái niệm, định nghĩa, phân loại, đơn vị phân tổ, công cụ và quy trình thu thập dữ liệu v.v. khác nhau. Số liệu thống kê được tạo ra từ một phương pháp phù hợp, tuân theo các hướng dẫn tương tự (được trình bày trong báo cáo này) sẽ giúp ích cho các quốc gia và phù hợp hơn để sử dụng cho việc so sánh liên quốc gia.

2.2. CÁC KHÁI NIỆM VÀ ĐỊNH NGHĨA

Một vấn đề chính cản trở việc phát triển số liệu thống kê thanh tra lao động một cách nhất quán và chặt chẽ ở các quốc gia và cản trở việc so sánh quốc tế là vấn đề sử dụng các khái niệm, định nghĩa và chủ đề quan tâm khác nhau, phần lớn là do thiếu các định nghĩa được thiết lập rõ ràng hoặc được quốc tế thống nhất. Dựa trên thực tiễn ở 6 quốc gia thí điểm và theo kinh nghiệm của ILO về phương pháp luận trong lĩnh vực này, trong các nội dung tiếp theo là những khái niệm chính liên quan đến lĩnh vực thống kê thanh tra lao động, đi cùng với định nghĩa, đơn vị đo lường và phân loại chính nên được áp dụng để có thể mô tả đầy đủ hệ thống thanh tra thông qua số liệu thống kê.

2.2.1. CÁC KHÁI NIỆM CHÍNH

- a. **Đơn vị kinh tế:** Tất cả các cơ sở thực tế nơi thực hiện hoạt động (chính thức hay phi chính thức) sản xuất hàng hóa và/hoặc dịch vụ để bán trên thị trường hoặc để tự sử dụng (ví dụ như nơi làm việc, nhà máy, cơ sở nông nghiệp, cơ sở kinh doanh, doanh nghiệp, hộ gia đình, công ty, v.v.).



- b. **Đơn vị kinh tế thuộc phạm vi quản lý của thanh tra lao động:** các đơn vị kinh tế có thể được thanh tra lao động theo quy định của pháp luật quốc gia.
- c. **Dân số có việc làm:** khái niệm này đề cập tới số liệu việc làm chính thức do quốc gia công bố. Có thể dựa trên định nghĩa quốc tế hiện hành (Nghị quyết được thông qua tại Hội nghị Quốc tế về Thống kê Lao động lần thứ XIX),¹¹ theo đó dân số có việc làm bao gồm tất cả những người trong độ tuổi lao động, trong một khoảng thời gian tham chiếu nhất định, đã tham gia vào bất kỳ hoạt động nào để sản xuất hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ để được nhận lương hoặc lợi nhuận. Họ bao gồm: (a) những người được thuê "hiện đang làm việc", tức là những người đã thực hiện một công việc trong ít nhất một giờ; (b) những người được thuê "hiện đang không làm việc" do nghỉ việc tạm thời, hoặc do cách bố trí thời gian làm việc (chẳng hạn như làm việc theo ca, thời gian làm việc linh hoạt và nghỉ bù cho thời gian làm thêm).
- d. **Dân số có việc làm thuộc phạm vi quản lý của thanh tra lao động:** những người làm việc trong các đơn vị kinh tế thuộc đối tượng của thanh tra lao động, căn cứ theo luật pháp quốc gia (một số trường hợp loại trừ có thể bao gồm: NLD khu vực công, NLD tự do,¹² lao động giúp việc gia đình, v.v.).
- e. **Dân số có việc làm tham gia Bảo hiểm Xã hội (BHXH) hoặc chương trình Bảo hiểm Quốc gia tương tự khác:** những người đang có việc làm, đã đăng ký tham gia BHXH hoặc chương trình bảo hiểm tương tự khác khác và nộp phí bảo hiểm định kỳ xác định bởi quan hệ việc làm của họ (không bao gồm những người thất nghiệp nhưng vẫn duy trì bảo hiểm).

* Thuật ngữ trong tài liệu gốc bản tiếng Anh là "proactive inspection actions" (các hành động thanh tra chủ động).

** Thuật ngữ trong tài liệu gốc bản tiếng Anh là "reactive inspection actions" (các hành động thanh tra có tính chất phản ứng).

¹¹ http://www.ilo.ch/global/statistics-and-databases/standards-and-guidelines/resolutions-adopted-by-internationalconferences-of-labour-statisticians/WCMS_230304/lang--en/index.htm

¹² Theo định nghĩa trong Phân loại Quốc tế mới nhất về Tình trạng Việc làm (ICSE-93), một NLD tự do là một người vận hành doanh nghiệp kinh tế của riêng mình, hoặc tham gia độc lập vào một ngành, nghề và không thuê nhân viên.

- f. **Sai phạm:** sai phạm là bất kỳ vi phạm nào về điều kiện làm việc hoặc các tiêu chuẩn an toàn và sức khỏe căn cứ theo luật pháp và quy định quốc gia có liên quan.
- g. **Hành động thanh tra:** hành động thanh tra diễn ra khi một hoặc nhiều thanh tra viên thực hiện một hành động đơn lẻ và riêng biệt để xác định việc tuân thủ pháp luật lao động, cho dù là hành động theo kế hoạch hay hành động đột xuất. Các hành động thanh tra bao gồm: cuộc thanh tra, dịch vụ phòng ngừa hoặc tư vấn, kiểm tra tài liệu, các quy trình và một số hành động khác.
- i. **Hành động thanh tra theo kế hoạch:** một hành động thanh tra theo kế hoạch diễn ra khi một hoặc nhiều thanh tra viên thực hiện một hành động thanh tra yêu cầu của Bộ hoặc cơ quan chủ quản, như là một phần của các nhiệm vụ hay công việc đã được lên kế hoạch.
- ii. **Hành động thanh tra đột xuất:** một hành động thanh tra đột xuất diễn ra khi một hoặc nhiều thanh tra viên thực hiện một hành động thanh tra để hồi đáp lại một báo cáo, khiếu nại, yêu cầu hoặc thông báo khác đã nhận được.
- h. **Cuộc thanh tra:** một cuộc thanh tra diễn ra khi một hoặc nhiều thanh tra viên trực tiếp đến một đơn vị kinh tế để xác minh việc tuân thủ pháp luật lao động. Cuộc thanh tra là một loại hành động thanh tra cụ thể.
- i. **Thiết bị thanh tra lao động:**
- i. Máy tính phục vụ thanh tra viên lao động: máy tính làm việc để thanh tra viên sử dụng nhằm thực hiện các nhiệm vụ của họ; những máy tính này có thể dùng chung với các đơn vị khác trong cùng một Bộ hoặc cơ quan.
- ii. Thiết bị kỹ thuật phục vụ thanh tra viên lao động: thiết bị để thanh tra viên lao động sử dụng để thực hiện các nhiệm vụ của họ, bao gồm: các dụng cụ đo lường và kiểm tra (ví dụ âm thanh kế, máy đo chất lượng không khí, nhiệt kế, thiết bị phát hiện rung, v.v.) cũng như thiết bị bảo hộ lao động.
- iii. Phương tiện vận chuyển phục vụ thanh tra viên lao động: cần có phương tiện vận chuyển cho thanh tra viên lao động thực hiện các chuyến công tác, có thể dùng chung với các đơn vị khác trong cùng một Bộ hoặc cơ quan.
- j. **Văn phòng thanh tra lao động:** là không gian vật lý thuộc quyền sử dụng của Bộ Lao động hoặc cơ quan có liên quan, được sử dụng làm văn phòng để thanh tra viên lao động làm việc; có thể dùng chung với các đơn vị khác trong cùng một Bộ hoặc cơ quan.
- k. **Thanh tra viên lao động:** thanh tra viên lao động là các công chức (nam và nữ) được chỉ định hoặc tuyển dụng làm thanh tra viên lao động (bao gồm thanh tra viên sơ cấp, kiểm soát viên lao động, hoặc các chức danh tương tự), thực hiện các nhiệm vụ tư vấn, kiểm soát và giám sát liên quan đến luật và quy định lao động, và có trách nhiệm khởi xướng các thủ tục xử phạt trong trường hợp có sai phạm.
- l. **Khai báo dẫn đến hành động thanh tra đột xuất:**
- i. **Khiếu nại chính thức:** là khai báo về vi phạm pháp luật lao động được gửi đến cơ quan chức năng bởi NLD, người thay mặt cho NLD, một nhóm NLD hoặc công đoàn, NSDLĐ, hoặc bất kỳ người nào khác được pháp luật cho phép. Một khiếu nại như vậy có thể dẫn đến hành động thanh tra đột xuất.
- ii. **Báo cáo:** là khai báo thực hiện bởi một NSDLĐ hoặc người/cơ quan khác theo quy định của pháp luật về khai báo sự cố, gửi đến cơ quan chức năng về một TTNN hoặc TNLD ảnh hưởng đến sự an toàn và sức khỏe của NLD, hoặc bất kỳ sự cố nào khác. Một báo cáo như vậy có thể dẫn đến hành động thanh tra đột xuất.
- m. **Tai nạn lao động:**¹³ TNLD là một sự cố xảy ra bất ngờ và ngoài kế hoạch, bao gồm các hành vi bạo lực, phát sinh từ công việc hoặc liên quan đến công việc, dẫn đến việc một hoặc nhiều NLD bị

¹³ Theo định nghĩa hiện hành trong Nghị quyết được thông qua tại HN Quốc tế về Thống kê Lao động lần thứ XVI.
http://www.ilo.ch/global/statistics-and-databases/standards-and-guidelines/resolutions-adopted-by-internationalconferences-of-labour-statisticians/WCMS_230304/lang-en/index.htm



thương tích, bệnh tật hoặc tử vong. Tai nạn trong khi đi lại, vận chuyển hoặc tham gia giao thông đường bộ làm NLĐ bị thương và phát sinh tử hoặc trong quá trình làm việc, tức là trong khi tham gia vào một hoạt động kinh tế, hoặc tại nơi làm việc, hoặc khi đang thực hiện công việc kinh doanh của NSDLĐ, thì được coi là TNLĐ. TNLĐ nên được chia thành tai nạn chết người và tai nạn không chết người. Thông tin về “các sự cố nguy hiểm”¹⁴ cũng có thể được thu thập.

- n. **Thương tích nghề nghiệp:**¹⁵ TTNN là bất kỳ thương tích cá nhân, bệnh tật hoặc tử vong nào do TNLĐ gây ra; một vụ TTNN là trường hợp một NLĐ bị TTNN do một TNLĐ gây ra.

Bất cứ khi nào có thể, TTNN nên được chia thành thương tích chết người (do TNLĐ gây ra dẫn đến tử vong trong vòng một năm kể từ ngày xảy ra tai nạn đó) và thương tích không chết người (dẫn đến mất thời gian làm việc).

- o. **Bệnh nghề nghiệp:**¹⁶ BNN là bệnh mắc phải do tiếp xúc trong một khoảng thời gian nhất định với các yếu tố nguy cơ phát sinh từ hoạt động làm việc, và do vậy BNN khác với TTNN.

Bất cứ khi nào có thể, BNN nên được phân tách giống như trên (chết người và không chết người).

- p. **Hình phạt:** là biện pháp áp dụng khi phát hiện vi phạm (ví dụ phạt tiền, dừng hoạt động, thu hồi giấy phép, đóng cửa, phạt tù, v.v.).

i. **Phạt tiền:** khoản tiền phạt phải nộp khi sai phạm bị phát hiện, bằng nội tệ.

ii. **Phạt tù:** bị giam giữ trong nhà tù hoặc cơ sở tương tự theo quyết định của tòa án.

iii. **Các biện pháp xử phạt khác:** là các hình phạt có tính chất khác nhau được áp dụng khi có sai phạm pháp luật lao động, chẳng hạn như dừng hoạt động, công bố công khai sai phạm, đình chỉ hoặc thu hồi giấy phép.

2.2.2. PHÂN TỔ VÀ PHÂN LOẠI

- a. **Khu vực hành chính:** Phân loại này phụ thuộc vào sự phân chia đơn vị hành chính ở mỗi quốc gia (ví dụ tiểu bang, tỉnh, huyện, v.v.).
- b. **Khu vực thể chế:** Khu vực công; tư nhân; hoặc khu vực khác theo quy định pháp luật thuộc đối tượng của thanh tra lao động, tùy theo bối cảnh quốc gia.
- c. **Ngành kinh tế:** Đề cập đến ngành cụ thể, được xác định theo Phân loại Ngành theo Tiêu chuẩn Quốc tế dành cho Tất cả các Hoạt động Kinh tế phiên bản 4 (ISIC 4)¹⁷ ở mức phân tổ thấp nhất có thể, hoặc ít nhất là ở mức phân loại hai chữ số.
- d. **Quy mô của cơ sở:** qui mô căn cứ theo số NLĐ được tuyển dụng, sử dụng nhóm quy mô hẹp nhất có thể và lý tưởng nhất là: [1-4]; [5-19]; [20-49]; [50-99]; [100-499]; [500-999]; [1000+]. Để tạo thuận lợi cho việc nghiên cứu các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ hoặc trung bình, cần sử dụng các nhóm quy mô hẹp hơn trong thu thập số liệu; số liệu thống kê được tạo ra bằng cách sử dụng các nhóm quy mô hẹp luôn có thể được tổng hợp thành các nhóm rộng hơn sau này nếu cần. Về quy mô của cơ sở, không được phép có phương án “không biết” trong phân tổ này.¹⁸

¹⁴ Theo định nghĩa trong Nghị định thư năm 2002 đi kèm Công ước về ATVSLĐ, 1981.

http://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORMLEXPUB:12100:0::NO::P12100_ILO_CODE:P155

¹⁵ Theo định nghĩa hiện hành trong Nghị quyết được thông qua tại HN Quốc tế về Thống kê Lao động lần thứ XVI.

http://www.ilo.org/global/statistics-and-databases/standards-and-guidelines/resolutions-adopted-by-international-conferences-of-labour-statisticians/WCMS_087528/lang-en/index.htm

¹⁶ Như trên

¹⁷ Tham khảo cấu trúc và bảng tương ứng của ISIC 4, có tại: <http://unstats.un.org/unsd/cr/registry/isic-4.asp>

¹⁸ Tham khảo các Khuyến nghị Quốc tế mới nhất về Thống kê Công nghiệp (IRIS-2008) có tại: <http://unstats.un.org/unsd/industry/guidelines.asp>

- e. **Nghề nghiệp:** Theo định nghĩa của Phân loại Nghề nghiệp theo Tiêu chuẩn Quốc tế mới nhất (ISCO-08),¹⁹ ở mức phân tổ thấp nhất có thể, hoặc ít nhất là ở mức phân loại hai chữ số.
- f. **Độ tuổi:** nhóm tuổi lý tưởng là nhóm mỗi 5 tuổi, bắt đầu từ 15 tuổi hoặc độ tuổi tối thiểu được sử dụng để xác định dân số trong độ tuổi lao động cho mục đích thống kê: [10-14] (chỉ áp dụng khi độ tuổi tối thiểu dưới 15); [15-19]; [20-24]; [25-29]; [30-34]; [35-39]; [40-44]; [45-49]; [50-54]; [55-59]; [60-64]; [65-69]; [70+].
- g. **Giới tính:** Nam; Nữ. Về giới tính, không được phép có phương án “không biết” trong phân tổ này.
- h. **Tình trạng việc làm:** Theo định nghĩa của Phân loại Quốc tế mới nhất về Tình trạng Việc làm (ICSE-93)²⁰ gồm: lao động làm công ăn lương; NSDLĐ; NLĐ tự do; thành viên thuộc hợp tác xã của nhà sản xuất; lao động đóng góp cho gia đình; NLĐ chưa được phân loại. Nếu không thể phân tổ kiểu này, ít nhất nên phân tách tổng số việc làm thành: việc làm có lương (lao động làm công ăn lương) và việc làm tự do (tất cả các nhóm còn lại).
- i. **Chuyên môn của thanh tra viên lao động:** chuyên môn tổng hợp, điều kiện lao động và việc làm, an toàn và sức khỏe, an sinh xã hội, nông nghiệp, chuyên môn theo ngành, chuyên môn khác.
- j. **Loại hành động thanh tra:** cuộc thanh tra (theo kế hoạch hoặc đột xuất); các hành động khác (kiểm tra tài liệu, tham vấn với các tổ chức khác, dịch vụ tư vấn, v.v.).
- k. **Loại cuộc thanh tra:** đến lần đầu, đến kiểm tra các lần tiếp theo, chuyển thăm khác. Nếu có thể, cũng có thể phân tổ thành: đến có báo trước; đến không báo trước.
- l. **Số thanh tra viên được phân công:** 1; 2; [3-5]; hơn 5.
- m. **Người khiếu nại:**
 - i. Bản thân NLĐ
 - ii. Cá nhân thay mặt cho (những) NLĐ
 - iii. Tổ chức của NLĐ
 - iv. NSDLĐ
 - v. Tổ chức của NSDLĐ
 - vi. Bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khác được pháp luật công nhận.
- n. **Lý do khiếu nại hoặc báo cáo (danh mục có thể cụ thể hơn tùy vào đặc điểm mỗi quốc gia):**
 - 1. **Lý do chính của khiếu nại:**
 - i. Không trả lương
 - ii. Không áp dụng mức lương tối thiểu
 - iii. Giờ làm việc quá dài
 - iv. Thiếu nghỉ ngơi hàng tuần thích hợp

¹⁹ Phân loại Tiêu chuẩn Quốc tế về Cơ cấu Nghề nghiệp, định nghĩa nhóm và bảng tương ứng
http://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---dgreports/---dcomm/---publ/documents/publication/wcms_172572.pdf

²⁰ Theo định nghĩa trong *Nghị quyết về Phân loại Quốc tế về Tình trạng Việc làm (ICSE) được thông qua tại Hội nghị Quốc tế về Thống kê Lao động lần thứ XV*, có tại: http://www.ilo.ch/global/statistics-and-databases/standards-and-guidelines/resolutions-adopted-by-international-conferences-of-labour-statisticians/WCMS_087562/lang--en/index.htm



- v. Vi phạm quyền lợi nghỉ phép hoặc nghỉ lễ hàng năm
- vi. Vi phạm ATSKNN, bao gồm cả việc sử dụng các vật liệu hoặc chất nguy hiểm (cả dùng trong nông nghiệp)
- vii. Công việc không khai báo
- viii. Các hình thức làm việc phi tiêu chuẩn
- ix. Phân biệt đối xử dưới bất kỳ hình thức nào (giới tính, nguồn gốc dân tộc, tôn giáo, tình trạng khuyết tật, v.v.)
- x. Tấn công và quấy rối, bao gồm quấy rối tình dục
- xi. Không nộp báo cáo bắt buộc về TNLD hoặc BNN, TTNN hoặc bất kỳ sự cố nào khác phù hợp cho cơ quan có thẩm quyền
- xii. Lao động trẻ em nguy hiểm hoặc các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất khác²¹
- xiii. Lao động cưỡng bức²²
- xiv. Vi phạm quy định về bảo vệ lao động làm cha mẹ. Chấm dứt hợp đồng lao động hoặc sa thải sai quy định
- xvi. Vi phạm quyền tự do hiệp hội hoặc có hoạt động chống công đoàn
- xvii. Thiếu đào tạo nghề đầy đủ
- xviii. Khác

2. Lý do chính của báo cáo:

- i. TTNN và TNLD
 - ii. BNN
 - iii. Công việc không khai báo
 - iv. Các hình thức hợp đồng lao động trái pháp luật
 - v. Điều kiện làm việc không phù hợp
 - vi. Vi phạm các tiêu chuẩn liên quan đến quan hệ lao động
 - vii. Khác
- o. **Số sai phạm được phát hiện:** 0; 1; 2; [3-5]; [6-10]; hơn 10.
- p. **Các sai phạm được phát hiện** (danh mục có thể cụ thể hơn, tùy thuộc vào bối cảnh quốc gia), theo loại sai phạm chính:
- i. Không trả lương
 - ii. Không áp dụng mức lương tối thiểu (có thể theo ngành)
 - iii. Giờ làm việc quá dài

²¹ Theo định nghĩa của *Nghị quyết về Thống kê Lao động Trẻ em được thông qua tại Hội nghị Quốc tế về Thống kê Lao động lần thứ XVIII*, có tại: http://www.ilo.org/global/statistics-and-databases/standards-and-guidelines/resolutionsadopted-by-international-conferences-of-labour-statisticians/WCMS_112458/lang-en/index.htm

²² Theo định nghĩa tại Điều 2 của Công ước về Lao động Cưỡng bức, 1930 (Số 29) http://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORMLEXPUB:12100:0::NO::P12100_ILO_CODE:C029

- iv. Vi phạm ATSKNN, bao gồm cả việc sử dụng các vật liệu hoặc chất nguy hiểm (cả dùng trong nông nghiệp)
 - v. Công việc không khai báo
 - vi. Hợp đồng lao động
 - vii. Phân biệt đối xử
 - viii. Tấn công và quấy rối, bao gồm quấy rối tình dục
 - ix. Không nộp báo cáo bắt buộc về TNLĐ hoặc BNN / TTNN hoặc bất kỳ sự cố nào phù hợp khác cho cơ quan có thẩm quyền
 - x. Lao động trẻ em nguy hiểm hoặc các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất khác
 - xi. Lao động cưỡng bức
 - xii. Khác
- q. **Tình trạng sai phạm:** sai phạm đã được khắc phục hoàn toàn,²³ sai phạm đã được khắc phục một phần, sai phạm chưa được khắc phục.
- r. **Tình trạng xử phạt:** đã đưa ra mức phạt và đã nộp phạt một lần, đã đưa ra mức phạt và đã nộp phạt trên một lần, đã đưa ra mức phạt nhưng chưa nộp phạt trong thời hạn quy định một lần, đã đưa ra mức phạt nhưng chưa nộp phạt trong thời hạn quy định trên một lần.
- s. **Mức phạt:** là số tiền phạt được áp dụng theo các nhóm giá trị tiền tệ, được xác định tùy theo hoàn cảnh quốc gia, bằng nội tệ, có thể bắt đầu ở mức phạt tối thiểu theo luật và tăng dần lên mức phạt tối đa.

2.3. THU THẬP SỐ LIỆU

Các cơ quan thanh tra lao động có thể dễ dàng tiếp cận một lượng lớn thông tin quan trọng thông qua việc thực hiện các hoạt động thanh tra. Để trở nên phù hợp cho công việc thống kê, những thông tin này cần phải trải qua quá trình xử lý dữ liệu cho mục tiêu thống kê, chuyển đổi những ghi chép hành chính thành bản ghi thống kê có chất lượng dữ liệu đảm bảo. Thực hiện những khuyến nghị quan trọng dưới đây về quy trình thu thập dữ liệu và trích xuất dữ liệu sẽ giúp cải thiện chất lượng dữ liệu.

2.3.1. PHƯƠNG PHÁP, QUY TRÌNH THU THẬP VÀ TRÍCH XUẤT DỮ LIỆU

Thanh tra viên lao động ở một vị trí có nhiều đặc quyền để thu thập những dữ liệu hữu ích về các chủ đề liên quan đến lao động. Ngay cả khi hoạt động chính của họ không phải là hoạt động thống kê, nhưng họ là người thực hiện khâu thực địa của quá trình thu thập dữ liệu. Thông qua các chuyến công tác đến các đơn vị kinh tế (những nơi làm việc) và các hành động thanh tra mà họ thực hiện, tiềm năng của các cơ quan thanh tra trong việc tạo ra thông tin phù hợp cho mục đích thống kê phụ thuộc phần lớn vào thanh tra viên lao động.

Dữ liệu và thông tin kết hợp với nhau tạo thành một hồ sơ hành chính - một phần của hệ thống hồ sơ hành chính. Các hệ thống hồ sơ này được tạo ra để phục vụ mục đích quản trị chứ không phải để thống kê, nhưng với bản chất của mình, các hệ thống hồ sơ này trở thành một nguồn thống kê toàn diện về các đơn vị thống kê trong phạm vi dữ liệu mà chúng có. Để có thể sử dụng các hệ thống hồ sơ hành chính (trong trường hợp này là hệ thống hồ sơ về thanh tra lao động) như một nguồn dữ liệu thống kê tin cậy, các hệ

²³ Điều này có nghĩa là đã khắc phục sai phạm theo các điều kiện do thanh tra viên lao động thiết lập (khắc phục sai phạm trong thời hạn quy định). Khi thời hạn quy định để khắc phục sai phạm trùng với khoảng thời gian tham chiếu để tạo ra số liệu thống kê (tính theo năm dương lịch, theo mục đích của phương pháp đề xuất trong tài liệu), có thể bổ sung một phân nhóm trong phân tổ "tình trạng sai phạm" (chẳng hạn như "sai phạm đang chờ khắc phục trong năm tới" hoặc "sai phạm đang chờ khắc phục từ năm trước").



thống này cần tuân theo một số hướng dẫn và đáp ứng những điều kiện nhất định để được sử dụng làm hệ thống hồ sơ thống kê.²⁴

Đầu tiên, thông tin được thu thập phải phù hợp, nghĩa là dữ liệu được thu thập phải liên quan chặt chẽ đến loại thông tin thống kê mong muốn. Ngoài ra, dữ liệu trong hệ thống hồ sơ phải chính xác nhất có thể.

Tiếp đó, hệ thống hồ sơ phải đầy đủ và toàn diện. Nghĩa là, tất cả các đơn vị (ví dụ: người hoặc đơn vị kinh tế) trong phạm vi được bao phủ bởi hệ thống hồ sơ đó (ví dụ: khu vực, ngành, quốc gia, v.v.) phải được đưa vào, và thông tin về từng đơn vị phải đầy đủ. Không nên thiếu bất kỳ đơn vị nào, trùng lặp bất kỳ đơn vị nào, hoặc thiếu bất kỳ biến hoặc thông tin quan trọng nào của một đơn vị nào đó. Lý tưởng nhất là mỗi đơn vị trong hệ thống hồ sơ có thể được định danh duy nhất nhờ những thông tin có sẵn trên hệ thống.

Tham chiếu về thời gian có tầm quan trọng đặc biệt trong việc tạo ra số liệu thống kê từ hệ thống hồ sơ hành chính. Cần phải luôn ghi lại, càng chính xác càng tốt, ngày diễn ra các sự kiện (ví dụ: ngày diễn ra cuộc thanh tra lao động, ngày nộp tiền phạt, ngày nộp đơn khiếu nại, v.v.) cũng như ngày nhập thông tin (nghĩa là ngày thông tin được nhập vào hệ thống hồ sơ).

Dữ liệu trong hệ thống hồ sơ phải có sẵn và được lưu trữ ở định dạng thuận tiện cho việc sử dụng nó cho mục đích thống kê, chẳng hạn như một cơ sở dữ liệu (CSDL). Một định dạng phù hợp của hệ thống hồ sơ cũng sẽ tạo điều kiện cho việc cập nhật dữ liệu thường xuyên.

Dữ liệu từ những hệ thống hồ sơ này có thể được trích xuất ở những thời điểm khác nhau của quy trình. Có thể cần tạo ra số liệu thống kê đã được trích xuất, và nên sử dụng những khái niệm, đơn vị, v.v. mà có thể so sánh được ở tất cả các giai đoạn thanh tra khác nhau.

Thanh tra viên lao động là những người thu thập dữ liệu trực tiếp, vì vậy họ là những người phù hợp nhất để đảm bảo rằng các điều kiện này được đáp ứng. Tuy nhiên, do việc thu thập dữ liệu không phải là công việc chính của họ, họ cần được đào tạo đầy đủ về thống kê cơ bản. Khóa đào tạo này nên bao gồm các chủ đề như quy trình thu thập dữ liệu, lưu giữ thông tin một cách hệ thống, chất lượng dữ liệu, xử lý các giá trị bị thiếu, v.v.

Cần thiết lập những cơ chế để đảm bảo chất lượng của số liệu thống kê rút ra từ hồ sơ thanh tra lao động. Ví dụ, khi sử dụng các thiết bị công nghệ thông tin, truyền thông (CNTT-TT) cho giai đoạn đầu của việc thu thập dữ liệu, một số quốc gia đã triển khai một hệ thống không cho phép các thanh tra viên chuyển sang bước tiếp theo cho đến khi hoàn thành đầy đủ mọi thông tin cần thiết ở bước trước đó.

2.3.2. KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG DỮ LIỆU

Kiểm tra chất lượng để xác nhận số liệu thống kê đã được tạo ra là việc làm cần thiết. Nên thực hiện việc kiểm tra chất lượng dữ liệu ở một vài giai đoạn trong quy trình sản xuất số liệu thống kê, hoặc ít nhất là ở hai giai đoạn: đảm bảo chất lượng của dữ liệu sơ cấp - là dữ liệu thu thập ban đầu và được nhập vào hệ thống hồ sơ, và đảm bảo chất lượng của số liệu thống kê được sản xuất - nghĩa là dữ liệu đầu ra.

Có thể thực hiện một số kiểm tra cơ bản về tính nhất quán của dữ liệu, nhằm để sửa những sai sót phát sinh do nhập liệu thủ công, hoặc để xác định những số liệu không nhất quán, ví dụ kiểm tra xem tổng số có bằng tổng của tất cả các mục cộng lại hay không, hoặc không có giá trị âm nào ở những nơi mà giá trị âm không phù hợp. Có một vài biến số có liên quan chặt chẽ với nhau, và trong một số trường hợp, một biến số nhất định nào đó không được phép có giá trị cao hơn một biến số khác hoặc cao hơn một giá trị cụ thể. Trong những trường hợp khác, kết quả thu được phải giống nhau (ví dụ, về mặt logic, số đơn vị kinh tế được thanh, kiểm tra phải bằng số các cuộc thanh tra đến lần đầu đã thực hiện).

²⁴ *Thống kê lao động dựa trên hồ sơ hành chính: hướng dẫn về tổng hợp và trình bày số liệu*, ILO, 1997; http://www.ilo.org/public/libdoc/ilo/1997/97B09_105_engl.pdf và *Thống kê dựa trên Hệ thống hồ sơ: Dữ liệu Hành chính cho Mục đích Thống kê*, A. và B. Wallgren.

Có thể thực hiện việc kiểm tra bổ sung bằng cách tính toán các tỷ số hoặc tỷ lệ phần trăm có liên quan, và kiểm tra xem chúng có nằm trong phạm vi dự kiến hay không, cũng như không có tỷ lệ nào trên 100% nếu giá trị đó là không phù hợp.

Nên so sánh các số liệu thống kê thu được, ví dụ số TNLĐ được công bố hoặc số cuộc đình công, với số liệu từ các nguồn khác (nếu có các nguồn khác và dữ liệu đó có sẵn). Xu hướng của các biến số khác nhau cũng nên được nghiên cứu. Hợp tác với cơ quan thống kê quốc gia sẽ rất hữu ích cho việc so sánh các số liệu ước tính thu được từ các nguồn khác nhau, và hài hòa chúng bằng cách điều chỉnh các khác biệt - có thể là do phương pháp được sử dụng hoặc do những khác biệt về độ bao phủ dân số.

2.3.3. LĨNH VỰC CẦN THU THẬP SỐ LIỆU

Theo Công ước số 81 và 129, số liệu được thu thập ít nhất phải bao gồm thông tin về cán bộ làm công tác thanh tra lao động, những nơi làm việc là đối tượng của thanh tra và số NLĐ ở những nơi đó, cuộc thanh tra, các vi phạm và biện pháp xử phạt được áp dụng, những sai phạm được báo cáo với cơ quan chức năng, TNLĐ, TTNN và BNN.

Ngoài ra, các chủ đề thuộc phạm vi thống kê cần bao phủ mọi khía cạnh của thanh tra lao động, bao gồm các hoạt động đã thực hiện, thiết bị và nguồn lực có sẵn, kết quả thu được, hiệu quả của các nhiệm vụ đã thực hiện, hiệu suất tổng thể của ngành thanh tra lao động, v.v.

Lý tưởng nhất, các lĩnh vực cần thu thập dữ liệu nên bao gồm cả những chủ đề không liên quan chặt chẽ đến thanh tra lao động, nhưng lại rất quan trọng để có thể theo dõi thị trường lao động, chẳng hạn như mức độ có việc làm (và các nơi làm việc và NLĐ có liên quan), loại hợp đồng lao động, thu nhập (thu nhập không đủ, không trả lương, v.v.), thời giờ làm việc (giờ làm việc quá dài, làm thêm giờ, sắp xếp thời gian làm việc ví dụ như làm việc bất cứ khi nào được gọi, làm ca đêm, v.v.), BHXH, bảo vệ thai sản, lao động trẻ em, lao động cưỡng bức, v.v.

Tùy thuộc vào đặc điểm quốc gia, cơ quan thanh tra lao động có thể có trách nhiệm ghi chép (một số hoặc tất cả) các loại hành động công nghiệp (như là đình công, bế xưởng, lãn công). Hồ sơ thanh tra nên bao gồm các thông tin quan trọng – chẳng hạn như lý do, thời gian, các nhóm NLĐ tham gia (trực tiếp, gián tiếp, và NLĐ không tham gia nhưng công việc của họ trong đơn vị đó bị ảnh hưởng), và theo giới tính, và các biến tham chiếu về đơn vị kinh tế. Áp dụng một phương pháp phù hợp với phương pháp được sử dụng trong hệ thống thống kê về quan hệ lao động sẽ giúp cải thiện kết quả.

Hệ thống thanh tra lao động cần đóng góp cho việc đạt được bình đẳng giới bằng cách hiểu được tình hình của nam giới so với nữ giới thông qua kết quả thanh tra lao động, cũng như sự đối xử và bảo vệ cho cả hai giới theo pháp luật quốc gia. Các số liệu thống kê và chỉ số thanh tra lao động cần trợ giúp việc phân tích giới để hỗ trợ một số nhu cầu chính sách và cách tiếp cận cụ thể, ví dụ như quấy rối tình dục hoặc quấy rối khác đã được ghi nhận ảnh hưởng tới nam giới hoặc nữ giới đến mức độ nào. Hồ sơ thanh tra lao động đầy đủ có thể cho biết liệu rằng TTNN của nam giới có thực sự xảy ra thường xuyên hơn hay có tính chất khác với TTNN của nữ giới hay không; liệu những nghề chủ yếu do phụ nữ làm và các công việc phụ thuộc đi kèm các nhiệm vụ lặp đi lặp lại có gây ra nhiều TTNN nhưng ít nhìn ra hơn hay không; những nơi làm việc nào mà nam giới và phụ nữ có thể phải làm việc quá giờ hoặc làm thêm giờ. Nếu hồ sơ thanh tra lao động không thu thập tất cả dữ liệu liên quan theo giới ở mức bao phủ rộng nhất (ví dụ như loại sai phạm, các nhóm phân loại, quy mô của cơ sở) thì sẽ ít hỗ trợ cho việc giải quyết những quan ngại về định kiến giới trong tuân thủ.

Danh sách các chủ đề trong thống kê thanh tra lao động phụ thuộc vào đặc điểm quốc gia của hệ thống thanh tra lao động và các quy trình đang có, nhưng danh sách đó phải luôn rộng nhất có thể. Có thể tạo ra các bộ dữ liệu tóm tắt để cung cấp số liệu thống kê đủ để đáp ứng nhu cầu cơ bản của thanh tra viên lao động, và tạo ra các bộ dữ liệu lớn hơn hơn cho nhiều nhóm người sử dụng hay cho tổ chức đòi hỏi phải bổ sung nguồn lực và thêm việc xử lý dữ liệu.

2.3.4. NHU CẦU HỢP TÁC GIỮA CÁC CƠ QUAN VÀ TỔ CHỨC LIÊN QUAN

Để có một hệ thống hồ sơ thanh tra lao động đầy đủ và toàn diện nhất có thể để hỗ trợ mục đích thống kê trong lĩnh vực thanh tra lao động, cần có sự phối hợp giữa tất cả các cơ quan Chính phủ có liên quan, và đặc biệt là với cơ quan thống kê quốc gia. Các cơ quan làm việc về những lĩnh vực giống nhau cần hợp tác và chia sẻ CSDL của mình (trong phạm vi mà các thỏa thuận bảo mật và an ninh dữ liệu cho phép), vì thông thường một tổ chức có những thông tin có giá trị đối với một tổ chức khác mà tổ chức khác đó không có, và ngược lại. Các bộ ngành làm việc về lao động, y tế, an sinh xã hội, thuế, nhập cư và các cơ quan thống kê quốc gia đều có dữ liệu mà các cơ quan khác có thể quan tâm (và đôi khi khó tiếp cận). Do đó, các cơ quan này nên hợp tác chặt chẽ với nhau khi cần thống kê về các chủ đề được đề cập ở trên.

Để giải quyết vấn đề báo cáo không đầy đủ cho cơ quan có thẩm quyền, hoặc việc mỗi đối tượng khác nhau lại báo cáo cho một cơ quan khác nhau (ví dụ, NSDLĐ phải khai báo TNLĐ cho Bộ lao động, còn NLĐ phải báo cáo TNLĐ cho cơ quan BHXH hoặc cơ quan bảo hiểm khác tương ứng để được bồi thường, và do đó số liệu của Bộ Lao động và cơ quan BHXH có thể khác nhau), sẽ là lý tưởng nếu xây dựng một CSDL tổng hợp, hoặc ít nhất là có sự hợp tác chặt chẽ giữa các cơ quan, và cùng sử dụng các khái niệm và biến số thống nhất.

Sự hợp tác này, với mục đích tạo ra số liệu thống kê thanh tra lao động dựa trên hồ sơ, cần được hệ thống hóa và duy trì liên tục, dựa trên những cam kết của Chính phủ ở cấp cao nhất.

2.3.5. CẦN HIỆN ĐẠI HÓA THIẾT BỊ VÀ HỆ THỐNG HÓA QUY TRÌNH THU THẬP, TRÍCH XUẤT DỮ LIỆU

Kết quả từ tất cả 6 quốc gia thí điểm đều cho thấy việc hiện đại hóa các thiết bị làm việc của thanh tra viên lao động mang lại những lợi ích rất rõ ràng. Hiện đại hóa không chỉ các thiết bị sử dụng dưới thực địa mà cả hệ thống đăng ký được dùng để tạo hồ sơ thanh tra lao động.

Từ quan điểm thống kê, giảm thiểu tối đa việc nhập liệu thủ công, ở mọi giai đoạn của quá trình tổng hợp số liệu thống kê, có thể cải thiện chất lượng của dữ liệu một cách đáng kể. Hệ thống hóa các quy trình thu thập dữ liệu và sử dụng các thiết bị điện tử giúp làm giảm tác động gây ra do lỗi biên chép dữ liệu hoặc lỗi đánh máy. Trang bị cho thanh tra viên lao động làm việc dưới hiện trường các thiết bị này sẽ cho phép bỏ qua giai đoạn phải nhập dữ liệu lại, và do vậy loại bỏ hoàn toàn các lỗi phát sinh từ quá trình này và tăng hiệu quả công việc.

Hơn nữa, có một hệ thống điện tử (tốt nhất là hệ thống hoạt động trực tuyến trên Internet) sẽ làm tăng tốc đáng kể quá trình tạo ra số liệu thống kê, do hệ thống này có thể cung cấp dữ liệu dễ dàng và ngay lập tức cho những người có thẩm quyền để sử dụng. Khoảng cách thời gian giữa các giai đoạn được giảm xuống.

Việc có tất cả thông tin thu thập ở định dạng điện tử cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng, phân tích và phiên giải dữ liệu thống kê. Trong CSDL điện tử, người dùng có thể thực hiện các truy vấn mà họ cho là hữu ích cho việc phân tích của họ.

Lợi ích của việc có thiết bị và quy trình hiện đại không chỉ dừng lại ở việc tạo ra số liệu thống kê. Việc cung cấp cho thanh tra viên lao động tại thực địa các thiết bị điện tử và di động, tạo điều kiện cho họ truy cập Internet phù hợp và lâu dài và có hồ sơ thanh tra ở định dạng điện tử sẽ cho phép hệ thống thanh tra lao động đột xuất tốt hơn và hoạt động hiệu quả hơn. Những người có liên quan có thể có thông tin một cách kịp thời hơn, và từ đó, họ có thể hành động nhanh chóng hơn (ví dụ: thông tin về đăng ký BHXH của NLĐ, các vụ tai nạn đã được báo cáo, và các biện pháp xử phạt đã áp dụng trước đó). Tự động hóa quy trình xử lý về biểu mẫu và các thủ tục báo cáo giúp đẩy nhanh việc cung cấp dịch vụ và hoàn thành nhiệm vụ. Việc này cũng giúp làm giảm chi phí và rủi ro do sai sót, so với các hệ thống thủ công. Trong các quy trình thủ công làm trên giấy, việc ghi chép, rà soát và phân tích thông tin đều là những nhiệm vụ rất tốn thời gian. Ngoài ra, hệ thống hồ sơ được duy trì ở định dạng giấy cũng dễ bị hư hỏng hoặc bị phá hủy.

2.4. ĐỀ XUẤT CÁC CHỈ SỐ, PHƯƠNG PHÁP ĐO LƯỜNG VÀ PHÂN TỔ

Các chỉ số và bảng tổng hợp số liệu đề xuất trong phương pháp thống kê thanh tra lao động này đều là các chỉ số hàng năm, tính theo năm dương lịch, để phục vụ mục đích đăng ký dữ liệu và thực hiện so sánh quốc tế, cũng như để hỗ trợ việc nghiên cứu xu hướng trong khoảng thời gian dài. Tùy thuộc vào đặc điểm của từng chỉ số cụ thể, số liệu hàng năm có thể là các số trung bình năm của dữ liệu được thu thập tại các thời điểm khác nhau trong năm (ví dụ: giá trị trung bình năm của số liệu 4 quý hoặc số liệu 12 tháng), số lũy kế của các giá trị được ghi nhận suốt trong năm, số liệu quan sát tại một thời điểm (lý tưởng nhất là vào cuối năm dương lịch và tham chiếu tới một thời điểm xác định), v.v.

Để theo dõi hoạt động của thanh tra lao động trong giai đoạn hiện tại, cơ quan thanh tra lao động hoặc Bộ chủ quản có thể áp dụng các chỉ số ngắn hạn (hàng tháng hoặc hàng quý) bên cạnh các chỉ số hàng năm.

Dựa trên những thực hành tốt nhất từ các nghiên cứu thực hiện tại 6 quốc gia thí điểm, một bộ chỉ số cơ bản đã được đề xuất cho hoạt động thống kê thanh tra lao động. Các chỉ số này đủ linh hoạt để phù hợp với nhu cầu và đặc thù của hệ thống thanh tra lao động ở các quốc gia với các bối cảnh khác nhau. Chúng được chia thành bốn nhóm chính: chỉ số về bối cảnh, chỉ số về nguồn lực, chỉ số về công việc đã thực hiện, chỉ số về hiệu suất và chất lượng.

Bên cạnh đó, kinh nghiệm của các quốc gia trên cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của đặc thù ở mỗi quốc gia, cũng như các số liệu thống kê mà có thể được tạo ra để phản ánh những đặc điểm này. Do đó, tài liệu này cũng giới thiệu một số chỉ số bổ sung mà các quốc gia có thể quan tâm, tùy thuộc vào bối cảnh quốc gia.

2.4.1. CÁC CHỈ SỐ CƠ BẢN

Các chỉ số về bối cảnh

Các chỉ số này cho phép chúng ta xác định bối cảnh của quốc gia mà thanh tra lao động hoạt động, có tính đến các đặc điểm của từng quốc gia.

Việc làm và đơn vị kinh tế

■ Tổng số NLD, phân tổ theo:

- Giới tính
- Tuổi
- Vùng²⁵
- Khu vực thể chế
- Nhóm ngành nghề chính
- Ngành kinh tế
- Tình trạng việc làm

²⁵ Theo khu vực hành chính của quốc gia.



■ **Tổng số NLD làm công ăn lương, phân tổ theo:**²⁶

- Giới tính
- Tuổi
- Vùng
- Khu vực thể chế
- Nhóm ngành nghề chính
- Ngành kinh tế
- Quy mô đơn vị kinh tế

■ **Số đơn vị kinh tế, phân tổ theo:**

- Vùng
- Khu vực thể chế
- Ngành kinh tế
- Quy mô đơn vị kinh tế

Bao phủ Bảo hiểm xã hội (BHXH)

■ **Số NLD đã đăng ký BHXH, phân tổ theo:**

- Giới tính
- Tuổi
- Vùng
- Khu vực thể chế
- Nhóm ngành nghề chính
- Ngành kinh tế
- Tình trạng việc làm
- Quy mô đơn vị kinh tế

Bao phủ Thanh tra Lao động

■ **Số NLD được bao phủ bởi thanh tra lao động, phân tổ theo:**

- Giới tính
- Vùng
- Khu vực thể chế
- Ngành kinh tế
- Tình trạng việc làm

²⁶ Sự khác biệt giữa tổng số NLD và NLD làm công ăn lương xuất phát từ Phân loại Quốc tế mới nhất về Tình trạng Việc làm (ICSE-93), trong đó nêu rõ “việc làm” có nghĩa là cả công việc được trả lương (NLD làm công ăn lương) lẫn công việc tự do (tất cả các nhóm NLD khác) (<http://labrsta.ilo.org/applv8/data/icsee.html> # ICSE-93).

■ Số NLĐ làm công ăn lương được bao phủ bởi thanh tra lao động, phân tổ theo:

- Giới tính
- Vùng
- Khu vực thể chế
- Ngành kinh tế

■ Số đơn vị kinh tế thuộc diện quản lý của thanh tra lao động, phân tổ theo:

- Vùng
- Khu vực thể chế
- Ngành kinh tế
- Quy mô đơn vị kinh tế

Tai nạn lao động (TNLĐ)

■ Số TNLĐ được báo cáo,²⁷ phân tổ theo:

- Chết người và không chết người
- Ngành kinh tế

■ Tỷ lệ giữa số TNLĐ chết người/không chết người được báo cáo trong mỗi ngành kinh tế trên tổng số TNLĐ báo cáo.

$$\frac{\text{Số TNLĐ chết người trong một ngành kinh tế nhất định được báo cáo}}{\text{Tổng số TNLĐ chết người được báo cáo}} \times 100$$

$$\frac{\text{Số TNLĐ không chết người trong một ngành kinh tế nhất định được báo cáo}}{\text{Tổng số TNLĐ không chết người được báo cáo}} \times 100$$

■ Số thương tích nghề nghiệp (TTNN) được báo cáo, phân tổ theo:

- Giới tính
- Tuổi
- Chết người hay không chết người
- Ngành kinh tế

■ Tỷ lệ TTNN chết người và không chết người của lao động nữ được báo cáo theo ngành kinh tế.

$$\frac{\text{Số TTNN chết người của lao động nữ được báo cáo}}{\text{Tổng số TTNN chết người được báo cáo}} \times 100$$

²⁷ Số TNLĐ được báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền.

$$\frac{\text{Số TTNN không chết người của lao động nữ được báo cáo}}{\text{Tổng số TTNN không chết người được báo cáo}} \times 100$$

- Tỷ lệ TTNN chết người và không chết người trong mỗi ngành kinh tế được báo cáo trên tổng số ca được báo cáo.

$$\frac{\text{Số TTNN chết người trong một ngành kinh tế nhất định được báo cáo}}{\text{Tổng số TTNN chết người được báo cáo}} \times 100$$

$$\frac{\text{Số TTNN không chết người trong một ngành kinh tế nhất định được báo cáo}}{\text{Tổng số TTNN không chết người được báo cáo}} \times 100$$

- Tần suất TTNN chết người và không chết người phân tổ theo giới tính và ngành kinh tế.

$$\frac{\text{Số TTNN chết người được báo cáo}}{\text{Tổng số giờ làm việc của NLD trong nhóm tham chiếu}} \times 1.000.000$$

- Tỷ lệ xảy ra TTNN chết người và không chết người phân tổ theo giới tính và ngành kinh tế.

$$\frac{\text{Số TTNN không chết người được báo cáo}}{\text{Tổng số NLD trong nhóm tham chiếu}} \times 100.000$$

$$\frac{\text{Số TTNN chết người được báo cáo}}{\text{Tổng số NLD trong nhóm tham chiếu}} \times 100.000$$

Bệnh nghề nghiệp (BNN)

- Số ca mắc BNN được báo cáo,²⁸ phân tổ theo:

- Giới tính
- Tuổi
- Chết người và không chết người
- Ngành kinh tế

²⁸ Số ca được báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền.

Đình công và bế xưởng

- Số vụ đình công và bế xưởng đang diễn ra²⁹ phân tổ theo ngành kinh tế.
- Số NLD tham gia đình công và bế xưởng phân tổ theo ngành kinh tế.

Các chỉ số về nguồn lực

Những số liệu thống kê này cho phép chúng ta định lượng và nghiên cứu sự thay đổi trong những nguồn lực mà (các) cơ quan thanh tra lao động có để thực hiện nhiệm vụ của mình. Các chỉ số này nhằm đo lường nguồn lực về con người và tài chính, cũng như văn phòng làm việc và trang thiết bị sẵn có.

Nhân lực

- Số thanh tra viên lao động,³⁰ phân tổ theo:
 - Giới tính
 - Vùng
 - Chuyên môn
 - Cấp bậc
- Số cán bộ hành chính làm nhiệm vụ hỗ trợ trong (các) cơ quan thanh tra lao động, phân tổ theo vùng.
- Tỷ lệ thanh tra viên trên³¹:
 - 100.000 NLD được bao phủ bởi thanh tra lao động

$$\frac{\text{Số thanh tra viên lao động}}{\text{Tổng số NLD bao phủ bởi thanh tra lao động}} \times 100.000$$

- 100.000 NLD

$$\frac{\text{Số thanh tra viên lao động}}{\text{Tổng số NLD}} \times 100.000$$

- 100.000 NLD làm công ăn lương

$$\frac{\text{Số thanh tra viên lao động}}{\text{Tổng số NLD làm công ăn lương}} \times 100.000$$

²⁹ Nếu có đầy đủ dữ liệu, con số này nên bao gồm cả số cuộc đình công và bế xưởng bắt đầu xảy ra trong khoảng thời gian tham chiếu và những cuộc đã bắt đầu trước đó nhưng vẫn tiếp tục diễn ra trong khoảng thời gian tham chiếu được đề cập.

³⁰ Có lẽ đơn vị chính xác và phù hợp nhất ở đây là tương đương làm việc toàn thời gian (FTE) để có thể so sánh quốc tế. Tuy nhiên, dường như rất ít quốc gia sử dụng đơn vị này, vì vậy có lẽ nên làm theo thông lệ mà hầu hết các quốc gia làm và tính thanh tra viên lao động theo đơn vị “người”.

³¹ Đối với 3 loại tỷ lệ về thanh tra viên được trình bày ở đây, tử số và mẫu số phải có sẵn theo vùng. Do đó, các tỷ số này cũng có thể được tính theo vùng.



- Số đơn vị kinh tế được bao phủ bởi thanh tra lao động trên mỗi thanh tra viên, phân tổ theo vùng.

$$\frac{\text{Số đơn vị kinh tế bao phủ bởi thanh tra lao động}}{\text{Số thanh tra viên lao động}}$$

Nguồn lực tài chính

- Ngân sách của (các) cơ quan thanh tra.
- Tỷ lệ ngân sách phân bổ cho cơ quan thanh tra lao động trên tổng số ngân sách của Bộ chủ quản hoặc cơ quan tương ứng.

$$\frac{\text{Ngân sách phân bổ cho (các) cơ quan thanh tra lao động}}{\text{Tổng ngân sách của Bộ chủ quản (ví dụ Bộ Lao động)}} \times 100$$

- Tỷ lệ ngân sách phân bổ cho (các) cơ quan thanh tra lao động trên tổng số ngân sách của hệ thống quản lý hành chính nhà nước.

$$\frac{\text{Ngân sách phân bổ cho (các) cơ quan thanh tra lao động}}{\text{Tổng ngân sách của hệ thống quản lý hành chính nhà nước}} \times 100$$

- Tỷ lệ tăng ngân sách dành cho (các) cơ quan thanh tra lao động theo điều kiện thực tế.

Điều kiện làm việc của cán bộ ngành thanh tra lao động

- Số văn phòng làm việc bố trí cho (các) cơ quan thanh tra lao động sử dụng, phân tổ theo:
 - Vùng
 - Có truy cập Internet hoặc không có
- Tỷ lệ văn phòng làm việc của (các) cơ quan thanh tra lao động có truy cập Internet, phân tổ theo vùng.

$$\frac{\text{Số văn phòng làm việc của (các) cơ quan thanh tra lao động có truy cập Internet}}{\text{Tổng số văn phòng làm việc của (các) cơ quan thanh tra lao động}} \times 100$$

- Số máy tính (các) cơ quan thanh tra lao động được sử dụng phân tổ theo:
 - Vùng
 - Có truy cập Internet hoặc không có
- Số máy tính (các) cơ quan thanh tra lao động được sử dụng tính trên mỗi thanh tra viên, phân tổ theo
 - Vùng
 - Có truy cập Internet hoặc không có

Số máy tính (các) cơ quan thanh tra lao động được sử dụng

Tổng số thanh tra viên lao động

Số máy tính có kết nối Internet (các) cơ quan thanh tra lao động được sử dụng

Tổng số thanh tra viên lao động

- Số phương tiện di chuyển công vụ đang phục vụ (các) cơ quan thanh tra lao động, phân tổ theo vùng.
- Số phương tiện di chuyển công vụ đang phục vụ (các) cơ quan thanh tra lao động tính trên mỗi thanh tra viên, phân tổ theo vùng.

Số phương tiện di chuyển công vụ hiện đang phục vụ (các) cơ quan thanh tra lao động

Tổng số thanh tra viên lao động

Các chỉ số về công việc đã thực hiện

Các chỉ số này nhằm phản ánh công việc do (các) cơ quan thanh tra lao động tiến hành trong thời gian tham chiếu, nghĩa là khối lượng và cường độ của các nhiệm vụ đã thực hiện, các hoạt động chính đã triển khai, những nơi đã sử dụng hoặc đầu tư nguồn nhân lực và tài chính, và kết quả hữu hình của những hoạt động này.

Các hành động thanh tra

- Số hành động thanh tra, phân tổ theo:
 - Thanh tra theo kế hoạch và thanh tra đột xuất
 - Vùng
- Số hành động thanh tra theo kế hoạch, phân tổ theo:
 - Vùng
 - Loại hành động thanh tra
 - Ngành kinh tế
 - Quy mô đơn vị kinh tế
 - Số thanh tra viên được phân công
 - Số sai phạm đã phát hiện
 - Sau khi thanh tra có phát sinh thủ tục nào không³²
- Số hành động thanh tra đột xuất, phân tổ theo:
 - Vùng
 - Nguyên nhân (khiếu nại chính thức hay báo cáo

³² Thủ tục này có thể bao gồm bất kỳ loại hành động hoặc quy trình nào là kết quả của một hoạt động thanh tra (ví dụ như báo cáo, cung cấp thông tin cho NLD, NSDLĐ hoặc đại diện của họ, các biện pháp trừng phạt, v.v.)



- Lý do chính dẫn đến khiếu nại chính thức/báo cáo
- Loại hành động thanh tra
- Ngành kinh tế
- Quy mô đơn vị kinh tế
- Số thanh tra viên được phân công
- Số sai phạm đã phát hiện
- Sau khi thanh tra có phát sinh thủ tục nào không

Cuộc thanh tra

■ Số cuộc thanh tra, phân tổ theo:

- Thanh tra theo kế hoạch và thanh tra đột xuất
- Vùng

■ Số cuộc thanh tra theo kế hoạch, phân tổ theo:

- Vùng
- Phân loại cuộc thanh tra (đến thanh tra lần đầu, đến kiểm tra sau thanh tra, loại khác)
- Ngành kinh tế
- Quy mô đơn vị kinh tế
- Số thanh tra viên được phân công
- Số sai phạm đã phát hiện
- Sau khi thanh tra có phát sinh thủ tục nào không
- Thanh tra có báo trước hay không báo trước

■ Số cuộc thanh tra đột xuất, phân tổ theo:

- Vùng
- Nguyên nhân (khiếu nại chính thức hoặc báo cáo)
- Lý do chính dẫn đến khiếu nại chính thức hoặc báo cáo
- Phân loại cuộc thanh tra (đến thanh tra lần đầu, đến kiểm tra sau thanh tra, loại khác)
- Ngành kinh tế
- Quy mô đơn vị kinh tế
- Số thanh tra viên được phân công
- Số sai phạm đã phát hiện
- Sau khi thanh tra có phát sinh thủ tục nào không
- Thanh tra có báo trước hay không báo trước

■ Tỷ lệ số cuộc thanh tra theo kế hoạch trên số cuộc thanh tra đột xuất, phân tổ theo:

- Vùng
- Phân loại cuộc thanh tra (đến thanh tra lần đầu, đến kiểm tra sau thanh tra, loại khác)



- Ngành kinh tế
- Quy mô đơn vị kinh tế
- Số thanh tra viên được phân công
- Số sai phạm đã phát hiện
- Sau khi thanh tra có phát sinh thủ tục nào không

$$\frac{\text{Số cuộc thanh tra theo kế hoạch}}{\text{Số cuộc thanh tra đột xuất}}$$

■ **Số cuộc thanh tra đến lần đầu thuộc loại thanh tra theo kế hoạch, phân tổ theo:**

- Vùng
- Ngành kinh tế
- Quy mô đơn vị kinh tế
- Số thanh tra viên được phân công
- Số sai phạm đã phát hiện
- Sau khi thanh tra có phát sinh thủ tục nào không
- Thanh tra có báo trước hay không báo trước

■ **Số cuộc thanh tra đến lần đầu thuộc loại thanh tra đột xuất, phân tổ theo:**

- Vùng
- Nguyên nhân (kiếu nại chính thức hoặc báo cáo)
- Lý do chính dẫn đến khiếu nại chính thức hoặc báo cáo
- Ngành kinh tế
- Quy mô đơn vị kinh tế
- Số thanh tra viên được phân công
- Số sai phạm đã phát hiện
- Sau khi thanh tra có phát sinh thủ tục nào không
- Thanh tra có báo trước hay không báo trước

■ **Tỉ lệ % sai phạm phân theo chủ đề được phát hiện qua các cuộc thanh tra, phân tổ theo:**

- Cuộc thanh tra theo kế hoạch hay cuộc thanh tra đột xuất
- Phân loại cuộc thanh tra (đến thanh tra lần đầu, đến kiểm tra sau thanh tra, loại khác)
- Vùng
- Ngành kinh tế
- Quy mô đơn vị kinh tế
- Thanh tra có báo trước hay không báo trước

■ **Số đơn vị kinh tế đã đến để thanh tra, phân tổ theo:**

- Vùng
- Ngành kinh tế
- Quy mô đơn vị kinh tế
- Số cuộc thanh tra
- Số sai phạm đã phát hiện
- Sau khi thanh tra có phát sinh thủ tục nào không

■ **Số cuộc thanh tra tiến hành vào ban đêm, phân tổ theo:**

- Vùng
- Ngành kinh tế
- Quy mô đơn vị kinh tế
- Lý do chính
- Số sai phạm đã phát hiện

Khiếu nại chính thức và báo cáo

■ **Số khiếu nại chính thức đã nhận được, phân tổ theo:**

- Loại khiếu nại
- Giới tính của NLD hoặc của đa số NLD có liên quan
- Tuổi của NLD hoặc của đa số NLD liên quan
- Khiếu nại liên quan đến NLD trong nước hay NLD nước ngoài
- Lý do chính
- Vùng
- Ngành kinh tế
- Quy mô đơn vị kinh tế
- Khiếu nại có dẫn đến hành động thanh tra nào không

■ **Số khiếu nại chính thức đã xử lý, phân tổ theo:**

- Loại khiếu nại
- Giới tính của NLD hoặc của đa số NLD liên quan
- Tuổi của NLD hoặc của đa số NLD liên quan
- Khiếu nại liên quan đến NLD trong nước hay NLD nước ngoài
- Lý do chính
- Vùng
- Ngành kinh tế
- Quy mô đơn vị kinh tế
- Khiếu nại có dẫn đến hành động thanh tra nào không

■ **Số khiếu nại chính thức dẫn đến hành động thanh tra, phân tổ theo:**

- Loại khiếu nại
- Giới tính của NLD hoặc của đa số NLD liên quan
- Tuổi của NLD hoặc của đa số NLD liên quan
- Lý do chính
- Vùng
- Ngành kinh tế
- Quy mô đơn vị kinh tế

■ **Số báo cáo đã nộp, phân tổ theo:**

- Lý do chính
- Vùng
- Ngành kinh tế
- Quy mô đơn vị kinh tế
- Báo cáo có dẫn đến hành động thanh tra nào không

■ **Số báo cáo đã nộp và đã được xử lý, phân tổ theo:**

- Lý do chính
- Vùng
- Ngành kinh tế
- Quy mô đơn vị kinh tế
- Báo cáo có dẫn đến hành động thanh tra nào không

■ **Số báo cáo dẫn đến hành động thanh tra, phân tổ theo:**

- Lý do chính
- Vùng
- Ngành kinh tế
- Quy mô đơn vị kinh tế

Điều tra TNLD

■ **Số TNLD được điều tra, phân tổ theo:**

- Chết người hoặc không chết người
- Vùng
- Ngành kinh tế

■ **Số TTNN được điều tra, phân tổ theo:**

- Chết người hoặc không chết người
- Giới tính
- Vùng
- Ngành kinh tế

Điều tra BNN

■ Số ca mắc BNN được điều tra, phân tổ theo:

- Chết người và không chết người
- Giới tính
- Vùng
- Ngành kinh tế

Kết quả công việc của (các) cơ quan thanh tra lao động

■ Số cuộc kiểm tra sau thanh tra, phân tổ theo:

- Vùng
- Ngành kinh tế
- Quy mô đơn vị kinh tế
- Sai phạm đã được khắc phục hoàn toàn hay chưa

■ Số cuộc kiểm tra sau thanh tra nhận thấy các sai phạm đã được khắc phục hoàn toàn, phân tổ theo:

- Vùng
- Ngành kinh tế
- Quy mô đơn vị kinh tế
- Biện pháp trừng phạt đã áp dụng (phạt tiền, đình chỉ hoạt động, biện pháp khác)
- Số tiền phạt đã áp dụng
- Lĩnh vực sai phạm

■ Số cuộc kiểm tra sau thanh tra nhận thấy các sai phạm chưa được khắc phục hoàn toàn, phân tổ theo:

- Vùng
- Ngành kinh tế
- Quy mô đơn vị kinh tế
- Biện pháp trừng phạt đã áp dụng (phạt tiền, đình chỉ hoạt động, biện pháp khác)
- Số tiền phạt đã áp dụng
- Lĩnh vực sai phạm

■ Tỷ lệ cuộc kiểm tra sau thanh tra nhận thấy các sai phạm đã được khắc phục hoàn toàn, phân tổ theo:

- Vùng
- Ngành kinh tế
- Quy mô đơn vị kinh tế
- Biện pháp trừng phạt đã áp dụng (phạt tiền, đình chỉ hoạt động, biện pháp khác)
- Số tiền phạt đã áp dụng
- Lĩnh vực sai phạm



$$\frac{\text{Số cuộc kiểm tra sau thanh tra nhận thấy các sai phạm đã được khắc phục hoàn toàn}}{\text{Tổng số cuộc kiểm tra sau thanh tra}} \times 100$$

■ Số đơn vị kinh tế vi phạm đã hoàn toàn khắc phục sai phạm, phân tổ theo:

- Vùng
- Ngành kinh tế
- Quy mô đơn vị kinh tế
- Biện pháp trừng phạt đã áp dụng (phạt tiền, đình chỉ hoạt động, biện pháp khác)
- Số tiền phạt đã áp dụng
- Lĩnh vực sai phạm

■ Số đơn vị kinh tế vi phạm chưa hoàn toàn khắc phục sai phạm, phân tổ theo:

- Vùng
- Ngành kinh tế
- Quy mô đơn vị kinh tế
- Biện pháp trừng phạt đã áp dụng (phạt tiền, đình chỉ hoạt động, biện pháp khác)
- Số tiền phạt đã áp dụng
- Lĩnh vực sai phạm

■ Tỷ lệ đơn vị kinh tế vi phạm đã hoàn toàn khắc phục sai phạm, phân tổ theo:

- Vùng
- Ngành kinh tế
- Quy mô đơn vị kinh tế
- Biện pháp trừng phạt đã áp dụng (phạt tiền, đình chỉ hoạt động, biện pháp khác)
- Số tiền phạt đã áp dụng
- Lĩnh vực sai phạm

■ Tỷ lệ đơn vị kinh tế vi phạm chưa hoàn toàn khắc phục sai phạm, phân tổ theo:

- Vùng
- Ngành kinh tế
- Quy mô đơn vị kinh tế
- Biện pháp trừng phạt đã áp dụng (phạt tiền, đình chỉ hoạt động, biện pháp khác)
- Số tiền phạt đã áp dụng
- Lĩnh vực sai phạm



$$\frac{\text{Số đơn vị kinh tế vi phạm chưa hoàn toàn khắc phục sai phạm}}{\text{Tổng số đơn vị kinh tế đã đến thanh tra}} \times 100$$

Các chỉ số về hiệu suất và chất lượng

Các chỉ số này cố gắng thể hiện hiệu suất của (các) cơ quan thanh tra lao động liên quan đến những hoạt động đã thực hiện và tốc độ đạt được các mục tiêu mong muốn. Các số liệu thống kê này cũng nhằm cung cấp một vài chỉ báo về chất lượng tổng thể của công tác thanh tra lao động.

Thời gian phản ứng của (các) cơ quan thanh tra lao động

- Thời gian từ khi khiếu nại chính thức hoặc báo cáo được gửi tới cho tới khi tiến hành cuộc thanh tra đầu tiên (nếu có), phân tổ theo:
 - Vùng
 - Ngành kinh tế
 - Quy mô đơn vị kinh tế
 - Chủ đề
- Thời gian từ cuộc thanh tra đầu tiên đến khi tiến hành cuộc kiểm tra sau thanh tra (nếu có), phân tổ theo:
 - Vùng
 - Ngành kinh tế
 - Quy mô đơn vị kinh tế
 - Chủ đề
- Thời gian từ khi phát hiện sai phạm đến khi sai phạm được khắc phục (nếu có), phân tổ theo:
 - Vùng
 - Ngành kinh tế
 - Quy mô đơn vị kinh tế
 - Chủ đề
- Thời gian điều tra trung bình cho tới khi áp dụng biện pháp trừng phạt với doanh nghiệp vi phạm (nếu có phạt), phân tổ theo:
 - Vùng
 - Ngành kinh tế
 - Quy mô đơn vị kinh tế
 - Chủ đề
- Số cuộc thanh tra bị trì hoãn hoặc không tiến hành trong thời hạn dự kiến, phân tổ theo:
 - Vùng
 - Ngành kinh tế
 - Quy mô đơn vị kinh tế
 - Số thanh tra viên được phân công

Quy mô của những hoạt động đã thực hiện/không thực hiện

■ Số khiếu nại chính thức chưa được xử lý, phân tổ theo:

- Loại khiếu nại
- Giới tính của NLD hoặc của đa số NLD liên quan
- Tuổi của NLD hoặc của đa số NLD liên quan
- Khiếu nại liên quan đến NLD trong nước hay NLD nước ngoài
- Lý do chính
- Vùng
- Ngành kinh tế
- Quy mô đơn vị kinh tế

Số khiếu nại chính thức đã nhận được – Số khiếu nại chính thức đã xử lý

■ Tỷ lệ khiếu nại chính thức chưa được xử lý.

$$\frac{\text{Số khiếu nại chính thức chưa được xử lý}}{\text{Tổng số khiếu nại chính thức đã nhận được}} \times 100$$

■ Số báo cáo chưa được xử lý, phân tổ theo:

- Lý do chính
- Vùng
- Ngành kinh tế
- Quy mô đơn vị kinh tế

Số báo cáo đã nhận được – Số báo cáo đã xử lý

■ Tỷ lệ báo cáo chưa được xử lý.

$$\frac{\text{Số báo cáo chưa được xử lý}}{\text{Tổng số báo cáo đã nhận được}} \times 100$$

■ Tỷ lệ TNLD đã báo cáo và được điều tra, phân tổ theo:

- Chết người hoặc không chết người
- Vùng
- Ngành kinh tế

$$\frac{\text{Số TNLĐ chết người được điều tra}}{\text{Tổng số TNLĐ chết người được báo cáo}} \times 100$$

$$\frac{\text{Số TNLĐ không chết người được điều tra}}{\text{Tổng số TNLĐ không chết người được báo cáo}} \times 100$$

■ **Tỉ lệ TTNN đã báo cáo và được điều tra, phân tổ theo:**

- Chết người hoặc không chết người
- Giới tính
- Vùng
- Ngành kinh tế

$$\frac{\text{Số TTNN chết người được điều tra}}{\text{Tổng số TTNN chết người được báo cáo}} \times 100$$

$$\frac{\text{Số TTNN không chết người được điều tra}}{\text{Tổng số TTNN không chết người được báo cáo}} \times 100$$

■ **Tỉ lệ mắc BNN đã báo cáo và được điều tra, phân tổ theo:**

- Chết người hoặc không chết người
- Giới tính
- Vùng
- Ngành kinh tế

$$\frac{\text{Số ca mắc BNN chết người được điều tra}}{\text{Tổng số ca mắc BNN chết người được báo cáo}} \times 100$$

$$\frac{\text{Số ca mắc BNN không chết người được điều tra}}{\text{Tổng số ca mắc BNN không chết người được báo cáo}} \times 100$$

Hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực của (các) cơ quan thanh tra lao động

■ **Số cuộc thanh, kiểm tra trung bình trên một thanh tra viên,³³ phân tổ theo:**

- Giới tính
- Vùng
- Ngành kinh tế

³³ Khoảng thời gian tham chiếu của chỉ số này sẽ được xác định bằng khoảng thời gian tham chiếu của tử số và mẫu số. Như đã nêu ở trên, khoảng thời gian này tính theo năm dương lịch, tức là, với chỉ số này là số cuộc thanh tra, kiểm tra trung bình được thực hiện bởi mỗi thanh tra viên trong một năm. Tuy nhiên, cho mục đích phiên giải số liệu, tốt hơn nên có chỉ số “số cuộc thanh tra trung bình trên một thanh tra viên trong một tháng hoặc một tuần”. Để tính chỉ số như vậy, lấy giá trị của chỉ số tính theo năm chia cho 12 tháng hoặc 52 tuần.

Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra đã thực hiện Tổng số thanh tra viên lao động

■ Thời gian trung bình của một cuộc (tính theo số giờ), phân tổ theo

- Vùng
- Ngành kinh tế
- Quy mô đơn vị kinh tế
- Chủ đề

Tác động của (các) cơ quan thanh tra lao động đối với điều kiện làm việc³⁴

- Số vi phạm được phát hiện chỉ liên quan đến 01 NLĐ (ví dụ như trường hợp lao động trẻ em nguy hiểm, vi phạm chế độ bảo vệ thai sản, không trả lương, ATSKNN v.v.) đã được khắc phục hoàn toàn.³⁵
- Số vi phạm được phát hiện liên quan đến nhiều hơn một NLĐ đã được khắc phục hoàn toàn, phân tổ theo số NLĐ liên quan³⁶ trong mỗi vụ.

Các chỉ số trên càng tổng quát càng tốt để có thể áp dụng được ở tất cả các quốc gia, tuy nhiên một số chỉ số có thể không phù hợp trong bối cảnh của một quốc gia nhất định. Trong trường hợp số thanh tra viên được phân công để thực hiện một hành động thanh tra hoặc một cuộc thanh tra thường chỉ là 01 thanh tra viên, sẽ là không hữu ích nếu tiếp tục sử dụng chỉ số này

Danh sách các Chỉ số đề xuất được trình bày trong Phụ lục 1.

2.4.2. CÁC CHỈ SỐ BỔ SUNG TÙY THUỘC VÀO NHU CẦU HOẶC ĐẶC ĐIỂM QUỐC GIA

Những chỉ số được trình bày ở trên đại diện cho một số biện pháp đo lường mà nhìn chung có thể hữu ích cho các quốc gia để đánh giá hệ thống thanh tra lao động của mình, cho dù đặc thù của quốc gia là như thế nào. Tuy nhiên, tùy thuộc vào luật pháp quốc gia cũng như cơ cấu và đặc điểm của cơ quan thanh tra lao động, các quốc gia có thể muốn sử dụng một bộ chỉ số bổ sung để tập trung vào một số khía cạnh nhất định trong bối cảnh của họ, không nằm trong phương pháp tổng quan này.

Tùy thuộc vào phạm vi đối tượng của thanh tra lao động ở mỗi quốc gia và thông tin tiềm năng mà thanh tra lao động có thể tiếp cận, các chỉ số về những chủ đề không có trong danh sách đề xuất có thể bao gồm:

- số NLĐ được bao phủ bởi thương lượng tập thể;
- số lượng (và mật độ) NSDLĐ hoặc doanh nghiệp là thành viên của các tổ chức đại diện NSDLĐ;

³⁴ Mặc dù rất khó định lượng tác động của công việc của thanh tra viên lao động đối với điều kiện làm việc của NLĐ, nhưng nên cố gắng có ít nhất một chỉ số đại diện để đo lường điều này. Trên thực tế, biết rằng công việc của mình có ảnh hưởng tích cực đến chất lượng cuộc sống của NLĐ có thể tạo một động lực nghề nghiệp quan trọng thúc đẩy công việc của các thanh tra viên. Các chỉ số được trình bày trong phần này là những chỉ số đại diện có thể cung cấp số liệu ước tính về nội dung này.

³⁵ Đối với các vi phạm chỉ liên quan đến 01 NLĐ, số vi phạm được phát hiện đã được khắc phục phản ánh số NLĐ đã được cải thiện điều kiện làm việc và sự cân bằng giữa công việc-cuộc sống nhờ thanh tra lao động.

³⁶ Chỉ số này có thể được phân tổ thành các nhóm số lượng NLĐ khác nhau, ví dụ 0-4, 5-10, 11-20, v.v.



- c. số lượng (và mật độ) đoàn viên công đoàn;
- d. số ngày không làm việc do đình công và bế xưởng;
- e. số ngày không làm việc do TNLĐ, v.v.

Một số quốc gia cũng có thể muốn sử dụng thêm những phân tử mới cho các chỉ số đề xuất trong tài liệu này, ví dụ:

- i. Ở những quốc gia có một tỉ lệ đáng kể lực lượng lao động là người nước ngoài, sẽ rất hữu ích khi các chỉ số chính liên quan đến NLĐ hoặc đối tượng của chỉ số phân tử theo công dân trong nước và người nước ngoài. Nghĩa là, ví dụ như, chỉ số về TTNN chết người và không chết người phân theo NLĐ trong nước và NLĐ nước ngoài.
- ii. Nếu có thể, phân tử một số chỉ số về bối cảnh theo công dân trong nước/người nước ngoài (nhằm tính toán tỉ lệ NLĐ là người nước ngoài, tỉ lệ NLĐ làm công ăn lương là người nước ngoài và tỉ lệ NLĐ được bao phủ bởi thanh tra lao động là người nước ngoài) sẽ hỗ trợ việc phân tích phạm vi bao phủ của thanh tra lao động. Ví dụ, nếu số NLĐ nước ngoài chiếm một tỉ lệ cao đáng kể (cao hơn tỉ lệ NLĐ trong nước) trong tổng số NLĐ được bao phủ bởi thanh tra lao động, nhưng họ cũng chiếm tỉ lệ cao trong số NLĐ bị TNLĐ, thì cơ quan thanh tra lao động có thể sử dụng dữ liệu này làm cơ sở cho việc mở rộng phạm vi bao phủ của mình để nhằm mục tiêu đến nhóm NLĐ này.

Vì có những cuộc thanh tra được báo trước và có cuộc không được báo trước, tất cả các chỉ số liên quan đến cuộc thanh tra nên được phân tử theo báo trước/không báo trước, ngoài những phân tử đã đề xuất trong tài liệu này. Đặc biệt, việc có số liệu thống kê về các cuộc thanh tra được báo trước và không được báo trước được phân tử theo số vi phạm được phát hiện, lĩnh vực sai phạm, các biện pháp trừng phạt đã áp dụng, v.v. sẽ là rất hữu ích. Số liệu đó có thể được sử dụng để chỉ báo về tác động của việc báo trước của các cuộc thanh tra.

Nếu phù hợp, cũng có thể xây dựng một số chỉ số dựa trên sự khác biệt giữa số cuộc thanh tra đã được lên kế hoạch và số cuộc thanh tra được tiến hành một cách hiệu quả, hoặc tỉ lệ cuộc thanh tra được tiến hành trên tổng số cuộc đã được lên kế hoạch.

Trong một số trường hợp, sẽ hữu ích nếu có số liệu thống kê về đơn khiếu nại để biết người khiếu nại thường sử dụng kênh nào để nộp đơn, và đặc biệt là liệu những kênh đó có đảm bảo ẩn danh người khiếu nại hay không.

Đối với báo cáo về TNLĐ và TTNN, số liệu thống kê cũng có thể cân nhắc mức độ nghiêm trọng của sự cố.³⁷

Về nguồn lực tài chính của cơ quan thanh tra lao động, các chỉ số đề xuất trong tài liệu đều rất chung chung. Ở những nơi có sẵn dữ liệu, thu thập số liệu về tổng ngân sách của (các) cơ quan thanh tra lao động cũng như ngân sách theo từng dự án, chương trình thanh tra, theo khu vực, v.v. cũng sẽ rất hữu ích.

Trên đây chỉ là một số ví dụ cụ thể về những chỉ số bổ sung mà các quốc gia có thể quan tâm. Có rất nhiều chỉ số mà các quốc gia có thể bổ sung, tùy thuộc vào nhu cầu chính sách của mỗi quốc gia và tính sẵn có của dữ liệu.

Những quốc gia mong muốn đo lường hiệu quả hoạt động của thanh tra viên lao động nhằm đánh giá nhân viên dựa trên thành tích, hay nhằm tăng cường động lực thúc đẩy hiệu quả công việc của họ, hoặc để xác định việc không hoàn thành nhiệm vụ, cần phải cân nhắc những hạn chế của bản thân hệ thống đăng ký hồ sơ đối với các kết quả liên quan đến “hiệu suất công việc”. Trong bối cảnh này, có thể tính toán một số chỉ số liên quan đến thanh tra viên lao động trong danh sách chỉ số cho cá nhân tài liệu này đề xuất nếu dữ liệu cho phép.

³⁷ Tham khảo phiên bản mới nhất của Bảng Phân loại quốc tế về mã hóa hóa bệnh, tật, và nguyên nhân tử vong (ICD-10) tại đây: <http://www.who.int/classifications/icd/en/>

2.5. LẬP BẢNG DỮ LIỆU

Việc trình bày dữ liệu thu thập được cũng quan trọng như chất lượng của chính dữ liệu, vì có ảnh hưởng đến việc phiên giải số liệu thống kê. Do đó, việc lập bảng dữ liệu nên được thiết kế cẩn thận để có thể rút ra tất cả các quan sát và kết luận thú vị một cách nhanh chóng. Nên dùng các bảng tổng hợp tóm tắt dữ liệu thay vì những bảng chứa quá nhiều số liệu thống kê không trực tiếp cần thiết cho mục đích hoặc vấn đề đang được phân tích.

Trong danh mục các chỉ số được đề xuất, phân tổ cơ bản cho từng chỉ số tương đối hạn hẹp. Nên mở rộng phân tổ bất cứ khi nào có sẵn số liệu và bối cảnh quốc gia cho phép. Hơn nữa, cũng nên lập bảng tần suất giữa hai hay nhiều biến cho các chỉ số có trên một phân tổ, ví dụ: thay vì có hai bảng là số thanh tra viên lao động theo giới tính và số thanh tra viên lao động theo khu vực địa lý, thì một bảng trình bày số thanh tra viên lao động theo giới tính và theo khu vực địa lý sẽ hiệu quả hơn.

Điều quan trọng là, bên cạnh việc trình bày hoặc lập bảng số liệu thống kê phù hợp để chúng phát huy hết tiềm năng của mình, các bảng dữ liệu đó nên dễ tiếp cận với tất cả người sử dụng, bao gồm các nhà nghiên cứu, cơ quan truyền thông, đối tác xã hội và công chúng, cũng như cho những tổ chức sử dụng dữ liệu quan trọng khác.

Ví dụ về Bảng dữ liệu cho các chỉ số được đề xuất được trình bày trong Phụ lục 2.

2.6. PHÂN TÍCH VÀ PHIÊN GIẢI SỐ LIỆU THỐNG KÊ

Số liệu thống kê tự nó không bao giờ là mục đích cuối cùng mà luôn là một công cụ, một phương tiện để cho thấy một số vấn đề cụ thể hoặc để chỉ ra những gì ẩn sau một tình huống nhất định. Trong thống kê thanh tra lao động, các chỉ số và bảng số liệu thảo luận ở trên có tiềm năng lớn để mô tả một hệ thống thanh tra lao động. Do đó, sự hữu ích của dữ liệu thu thập nằm ở việc dữ liệu đó tạo ra số liệu thống kê và phiên giải thống kê hơn là bản thân chính dữ liệu đó.

Tất nhiên, việc sử dụng số liệu thống kê đã được tạo ra tùy thuộc vào tình hình của quốc gia, nghĩa là loại thông tin nào cơ quan thanh tra lao động yêu cầu hoặc muốn có được từ dữ liệu, những chính sách hay khía cạnh nào của - ví dụ như - điều kiện làm việc đang được đánh giá để đạt được sự tuân thủ pháp luật lao động quốc gia, những gì đang ở mức nguy cơ, v.v.

Sau đây là ví dụ về những cách mà số liệu thống kê có thể cho thấy các vấn đề khác nhau cần được giải quyết hoặc cải thiện, và giúp rút ra những quan sát hữu ích từ chúng:

- Tính toán tỷ trọng, tỷ lệ và tỷ số rất thú vị vì có thể hiểu rõ hơn những gì ẩn đằng sau số liệu thống kê. Khi nhìn vào con số tương đối, ví dụ như tỷ số, các mô hình xuất hiện rõ ràng hơn là nhìn vào giá trị tuyệt đối. Ví dụ, nên tính toán số cuộc thanh tra, kiểm tra trung bình mà mỗi thanh tra viên lao động thực hiện hàng tháng (lý tưởng là theo khu vực địa lý và theo ngành kinh tế). Nếu con số này có vẻ quá thấp, các giải thích có thể là do những hạn chế về địa lý (khoảng cách xa giữa các nơi làm việc mà thanh tra viên cần đến), mức độ chi tiết của cuộc thanh tra, kiểm tra (có thể đã có một số cuộc thanh tra, kiểm tra rất toàn diện và kỹ lưỡng), hạn chế về thiết bị (thiếu phương tiện đi lại phù hợp để tới các nơi làm việc), v.v. Nếu không có lời giải thích logic nào thì con số trên cho thấy cần phải tổ chức các cuộc thanh tra tốt hơn để sử dụng thời gian làm việc của thanh tra viên lao động hiệu quả hơn.
- Bức tranh cũng sẽ rõ ràng hơn nếu so sánh các tỷ số và tỷ trọng của quốc gia như mô tả ở đoạn trên với các tỷ số và tỷ trọng của những quốc gia khác trong khu vực, hoặc so với toàn bộ khu vực hoặc lục địa nếu có số liệu thống kê. Điều này sẽ cho phép xác định các lĩnh vực chính cần cải thiện theo tiêu chuẩn khu vực.
- Việc phân tích số liệu thống kê theo ngành kinh tế hoặc theo khu vực địa lý có thể cho thấy một số ngành/ khu vực có nhiều vấn đề hơn đáng kể so với các ngành/ khu vực khác, chẳng hạn về điều kiện làm việc. Ví dụ, số liệu thống kê có thể cho thấy rằng một số ngành hoặc khu vực địa



lý có nhiều khả năng xảy ra TNLĐ hoặc sai phạm (nghiêm trọng) hơn các ngành/khu vực khác. Tuy nhiên, các cuộc thanh tra định kỳ do cơ quan thanh tra lao động lên kế hoạch như một phần của nhiệm vụ thường xuyên của đơn vị thường được phân đều cho các ngành hay các khu vực theo cách mà không phải lúc nào cũng phản ánh những rủi ro liên quan đến việc không tuân thủ luật pháp của một số ngành/ khu vực. Trong trường hợp này, việc phân tích số liệu thống kê sẽ hỗ trợ cơ quan thanh tra lao động sắp xếp lại các cuộc thanh tra theo kế hoạch để tập trung nhiều nỗ lực hơn vào các ngành hay khu vực dường như cần được thanh tra nhất, di chuyển các nguồn lực ra khỏi những khu vực ít bị tổn thương hơn.

- Thống kê về số lượng và tỷ lệ khiếu nại và báo cáo chính thức không được xử lý có thể chứng minh sự cần thiết phải sắp xếp các nhiệm vụ và nguồn lực của thanh tra lao động một cách hiệu quả hơn, để đảm bảo rằng tất cả các khiếu nại và báo cáo chính thức hợp lệ đều được xem xét. Việc phân tích số liệu thống kê về các hành động thanh tra theo kế hoạch và cuộc thanh tra theo kế hoạch cũng có thể cho thấy một số lĩnh vực (khu vực địa lý, ngành, v.v.) dường như được tập trung nhiều hoạt động thanh tra định kỳ hơn mức cần thiết.
- Nghiên cứu về tỷ lệ các cuộc thanh tra theo kế hoạch so với thanh tra đột xuất và kết quả của chúng có thể giúp xây dựng những hướng dẫn về cách phân bổ các nguồn lực sẵn có hiệu quả hơn, đặc biệt là khi số liệu thống kê được phân tích theo khu vực, ngành, v.v.
- Thống kê về nội dung của những sai phạm được phát hiện có thể chỉ ra rằng một số sai phạm nhất định đang xảy ra trên quy mô lớn, và vì vậy, các cơ quan chức năng cần phải giải quyết những sai phạm đó nói riêng, có thể bằng một chiến dịch tư vấn, đào tạo hoặc nâng cao nhận thức về nội dung đó.
- Phân tích chuyên sâu số liệu thống kê cũng có thể giúp phân bổ nguồn lực tốt hơn. So sánh các nguồn lực hiện có (ví dụ như nhân lực, thiết bị, v.v.) với các kết quả và hiệu suất thu được, ví dụ như, giữa các khu vực địa lý, có thể giúp đánh giá nguồn lực nào dường như có tác động lớn hơn đến các công việc đã triển khai. Nghĩa là, những kết quả tốt nhất và hiệu quả cao hơn có phải đến từ những văn phòng có nhiều số máy tính được kết nối Internet tính trung bình cho một thanh tra viên hơn hay không? Hay đến từ những văn phòng có nhiều phương tiện vận chuyển tính trung bình trên một thanh tra viên hơn? Hay ở những nơi có nhiều số thanh tra viên trên 100.000 NLĐ bao phủ bởi thanh tra lao động hơn? Nên đầu tư để tuyển dụng thêm nhân sự, hay đầu tư vào hiện đại hóa thiết bị?

Tiềm năng sử dụng số liệu thống kê là rất lớn, và cách thức khai thác tiềm năng này phụ thuộc vào hoàn cảnh và yêu cầu của quốc gia. Danh sách các ví dụ trên cho chúng ta thấy việc sử dụng số liệu thống kê thanh tra lao động có thể giúp cơ quan thanh tra lao động đánh giá được cơ sở hạ tầng, chức năng và hiệu quả hoạt động của mình, nhưng danh sách này vẫn chưa đầy đủ.

2.7. NHỮNG TIẾN TRIỂN TIẾP THEO VÀ HỖ TRỢ CỦA ILO

Nghiên cứu này, dựa trên kinh nghiệm của 6 quốc gia thí điểm, đã thể hiện một bước tiến lớn trong việc phát triển một phương pháp hài hòa để tổng hợp và tạo số liệu thống kê thanh tra lao động phù hợp, đáng tin cậy, kịp thời và so sánh được, nhưng vẫn còn nhiều việc phải làm trong tương lai. Nhiều tiến triển mới dần dần có thể diễn ra, phụ thuộc vào kinh nghiệm mỗi quốc gia khi sử dụng phương pháp này cũng như cách thức mà phương pháp này ảnh hưởng lên các kết quả nhìn thấy trong các hệ thống thống kê thanh tra lao động quốc gia.

2.7.1. THIẾT LẬP CÁC TIÊU CHUẨN

Trong tương lai, sẽ là lý tưởng nếu thiết lập các tiêu chuẩn, hoặc các giá trị tham chiếu, cho các chỉ số thống kê chính về nguồn lực, nhiệm vụ và kết quả của (các) cơ quan thanh tra lao động. Những giá trị này cần dựa trên kinh nghiệm của hệ thống thanh tra lao động ở những quốc gia đang ở mọi cấp độ phát triển. Những giá trị tham chiếu này sẽ cho phép các quốc gia đánh giá được tình trạng, hiệu suất và chất lượng của hệ thống thanh tra lao động của chính mình.

Việc thiết lập tiêu chuẩn sẽ đặt ra, ví dụ như, số cuộc thanh tra mà mỗi thanh tra viên lao động cần thực hiện hàng tuần. Nếu số cuộc thanh tra trung bình hàng tuần trên mỗi thanh tra viên thấp hơn nhiều so với giá trị chuẩn sẽ cảnh báo cơ quan thanh tra lao động về sự cần thiết phải cải thiện khâu lập kế hoạch thanh tra, hoặc phải phân bổ thời gian làm việc của thanh tra viên hiệu quả hơn. Tương tự, nếu số cuộc thanh tra trung bình hàng tuần trên mỗi thanh tra viên cao hơn nhiều so với tiêu chuẩn, đó có thể là dấu hiệu cho thấy các cuộc thanh tra đang không được tiến hành một cách kỷ lưỡng.

Một tiêu chuẩn hữu ích khác là số thanh tra viên trên 100.000 NLĐ thuộc phạm vi quản lý của thanh tra lao động. Khi tỷ lệ này của một quốc gia thấp hơn đáng kể so với giá trị chuẩn, đó sẽ là dấu hiệu cho thấy nguồn nhân lực của (các) cơ quan thanh tra lao động không đủ để bao phủ thích hợp cho toàn bộ người lao động thuộc phạm vi quản lý của thanh tra lao động.

2.7.2. KHẢO SÁT SỰ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG DỊCH VỤ THANH TRA LAO ĐỘNG

Kinh nghiệm của một số quốc gia tham gia dự án thí điểm cho thấy việc đánh giá công việc của cơ quan thanh tra lao động để trong tương lai xây dựng một bộ chỉ số đo lường mức độ hài lòng của những người thụ hưởng dịch vụ thanh tra lao động, bằng cách thiết kế các biểu mẫu ngắn gọn hoặc qua khảo sát sự hài lòng của người sử dụng, là điều rất hữu ích.

2.7.3. MÔ HÌNH CHẤT LƯỢNG CƠ QUAN THANH TRA LAO ĐỘNG

Theo thời gian, sẽ là lý tưởng nếu thiết kế một mô hình chất lượng tổng thể, toàn diện để đánh giá hiệu quả hoạt động của các hệ thống thanh tra lao động và các cá nhân, từ đó chỉ ra những lĩnh vực cần cải thiện và xác định mức độ tối ưu của việc sử dụng các biện pháp phòng ngừa và thực thi, hoặc xác định giá trị tối ưu của các biện pháp xử phạt nhằm mục đích, chẳng hạn như, ngăn chặn hành vi vi phạm.

2.7.4. HỖ TRỢ VÀ HỢP TÁC KỸ THUẬT CỦA ILO

Văn phòng Tổ chức Lao động Quốc tế luôn sẵn sàng hợp tác ở mức cao nhất có thể với các quốc gia trong việc phát triển hệ thống thống kê thanh tra lao động, thông qua việc cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo.

3

KẾT LUẬN

Nhìn chung, kinh nghiệm quốc gia ghi nhận được tại 6 quốc gia thí điểm trong nghiên cứu này đã giúp xác định những thách thức chính và hành động cần thực hiện để khai thác và phát triển đầy đủ hệ thống thống kê thanh tra lao động. Dựa trên những phát hiện này, một bộ chỉ số chặt chẽ đã được xây dựng, sẽ giúp cơ quan thanh tra lao động có được những thông tin ý nghĩa và phù hợp, có thể hỗ trợ việc đánh giá hoạt động và hiệu suất của họ, đồng thời có những số liệu thống kê có giá trị để chia sẻ với các tổ chức hay cơ quan khác, với đối tác xã hội và công chúng.

Phương pháp đề xuất trong tài liệu này là một cột mốc quan trọng để có được những số liệu thống kê thanh tra lao động hợp lệ, đáng tin cậy và có thể so sánh trên phạm vi quốc tế. Tuy nhiên, trong tương lai, lĩnh vực thống kê thanh tra lao động vẫn còn nhiều cơ hội để phát triển hơn nữa, đặc biệt ở nội dung đánh giá chất lượng của thanh tra lao động.



PHỤ LỤC 1

DANH MỤC CÁC CHỈ SỐ ĐƯỢC ĐỀ XUẤT

HSHC	Hồ sơ hành chính do các cơ quan/tổ chức khác quản lý
KSCS	Khảo sát cơ sở
ĐTLLED/ ĐTHGD	Điều tra Lực lượng Lao động hoặc điều tra hộ gia đình
HSTTLĐ	Hồ sơ thanh tra lao động
TKQG	Tài khoản quốc gia
SLUTCT	Số liệu ước tính chính thức
TĐTDS	Tổng điều tra dân số

Nhóm chỉ số	Phân nhóm chỉ số	Chỉ số	Phân tố	Đơn vị	Nguồn số liệu	Số liệu được thu thập hay được tính toán
Các chỉ số về bối cảnh	Việc làm và đơn vị kinh tế	Người lao động (NLĐ)	Giới tính	Người	ĐTLLED/ ĐTHGD, TĐTDS	Thu thập
			Tuổi	Người	ĐTLLED/ ĐTHGD, TĐTDS	Thu thập
			Vùng	Người	ĐTLLED/ ĐTHGD, TĐTDS	Thu thập
			Khu vực thể chế	Người	ĐTLLED/ ĐTHGD, TĐTDS	Thu thập
			Nhóm ngành nghề chính	Người	ĐTLLED/ ĐTHGD, TĐTDS	Thu thập
			Ngành kinh tế	Người	ĐTLLED/ ĐTHGD, TĐTDS	Thu thập
			Tình trạng việc làm	Người	ĐTLLED/ ĐTHGD, TĐTDS	Thu thập
		NLĐ làm công ăn lương	Giới tính	Người	ĐTLLED/ ĐTHGD, KSCS, HSHC	Thu thập
			Tuổi	Người	ĐTLLED/ ĐTHGD, KSCS, HSHC	Thu thập
			Vùng	Người	ĐTLLED/ ĐTHGD, KSCS, HSHC	Thu thập
			Khu vực thể chế	Người	ĐTLLED/ ĐTHGD, KSCS, HSHC	Thu thập
			Nhóm ngành nghề chính	Người	ĐTLLED/ ĐTHGD, KSCS, HSHC	Thu thập
			Ngành kinh tế	Người	ĐTLLED/ ĐTHGD, KSCS, HSHC	Thu thập
			Tình trạng việc làm	Người	ĐTLLED/ ĐTHGD, KSCS, HSHC	Thu thập
		Đơn vị kinh tế	Vùng	Đơn vị kinh tế	KSCS, HSHC	Thu thập
			Khu vực thể chế	Đơn vị kinh tế	KSCS, HSHC	Thu thập
			Ngành kinh tế	Đơn vị kinh tế	KSCS, HSHC	Thu thập
			Tình trạng việc làm	Đơn vị kinh tế	KSCS, HSHC	Thu thập
	Bao phủ bảo hiểm xã hội (BHXH)	NLĐ tham gia BHXH	Giới tính	Người	HSHC, SLUTCT	Thu thập
			Tuổi	Người	HSHC, SLUTCT	Thu thập
			Vùng	Người	HSHC, SLUTCT	Thu thập
			Khu vực thể chế	Người	HSHC, SLUTCT	Thu thập
			Nhóm ngành nghề chính	Người	HSHC, SLUTCT	Thu thập
			Ngành kinh tế	Người	HSHC, SLUTCT	Thu thập
			Tình trạng việc làm	Người	HSHC, SLUTCT	Thu thập
			Quy mô đơn vị kinh tế	Người	HSHC, SLUTCT	Thu thập



Nhóm chỉ số	Phân nhóm chỉ số	Chỉ số	Phân tổ	Đơn vị	Nguồn số liệu	Số liệu được thu thập hay được tính toán
Các chỉ số về bối cảnh (tiếp)	Bao phủ thanh tra lao động	NLĐ được bao phủ bởi thanh tra lao động	Giới tính	Người	HSTTLĐ, SLUTCT	Thu thập
			Vùng	Người	HSTTLĐ, SLUTCT	Thu thập
			Khu vực thể chế	Người	HSTTLĐ, SLUTCT	Thu thập
			Ngành kinh tế	Người	HSTTLĐ, SLUTCT	Thu thập
			Tình trạng việc làm	Người	HSTTLĐ, SLUTCT	Thu thập
		NLĐ làm công ăn lương được bao phủ bởi thanh tra lao động	Giới tính	Người	HSTTLĐ, SLUTCT	Thu thập
			Vùng	Người	HSTTLĐ, SLUTCT	Thu thập
			Khu vực thể chế	Người	HSTTLĐ, SLUTCT	Thu thập
			Ngành kinh tế	Người	HSTTLĐ, SLUTCT	Thu thập
		Đơn vị kinh tế thuộc diện quản lý của thanh tra lao động	Vùng	Đơn vị kinh tế	HSTTLĐ, SLUTCT	Thu thập
			Khu vực thể chế	Đơn vị kinh tế	HSTTLĐ, SLUTCT	Thu thập
			Ngành kinh tế	Đơn vị kinh tế	HSTTLĐ, SLUTCT	Thu thập
			Quy mô đơn vị kinh tế	Đơn vị kinh tế	HSTTLĐ, SLUTCT	Thu thập
	Tai nạn lao động (TNLĐ)	TNLĐ được báo cáo	Chết người hoặc không chết người	Vụ	HS HC	Thu thập
			Ngành kinh tế	Vụ	HS HC	Thu thập
		Tỉ lệ TNLĐ trong mỗi ngành kinh tế được báo cáo trên tổng số TNLĐ được báo cáo	Chết người hoặc không chết người	%	HS HC	Tính toán
		Số thương tích nghề nghiệp (TTNN) được báo cáo	Giới tính	Vụ	HS HC	Thu thập
			Chết người hoặc không chết người	Vụ	HS HC	Thu thập
			Ngành kinh tế	Vụ	HS HC	Thu thập
		Tỉ lệ TTNN của lao động nữ được báo cáo	Chết người hoặc không chết người	%	HS HC	Tính toán
			Ngành kinh tế	%	HS HC	Tính toán
		Tỉ lệ TTNN trong mỗi ngành kinh tế được báo cáo trên tổng số TTNN được báo cáo	Chết người hoặc không chết người	%	HS HC	Tính toán

Nhóm chỉ số	Phân nhóm chỉ số	Chỉ số	Phân tố	Đơn vị	Nguồn số liệu	Số liệu được thu thập hay được tính toán
Các chỉ số về bối cảnh (tiếp theo)	Tai nạn lao động (TNLD) (tiếp)	Tần suất TTNN	Giới tính	Tỉ lệ	HSHC	Tính toán
			Chết người hoặc không chết người	Tỉ lệ	HSHC	Tính toán
			Ngành kinh tế	Tỉ lệ	HSHC	Tính toán
		Tỉ lệ TTNN	Giới tính	Tỉ lệ	HSHC	Tính toán
			Chết người hoặc không chết người	Tỉ lệ	HSHC	Tính toán
			Ngành kinh tế	Tỉ lệ	HSHC	Tính toán
	Bệnh nghề nghiệp (BNN)	Số ca mắc BNN được báo cáo	Giới tính	Tỉ lệ	HSHC	Thu thập
			Chết người/ không chết người	Tỉ lệ	HSHC	Thu thập
			Ngành kinh tế	Tỉ lệ	HSHC	Thu thập
	Đình công và bế xưởng	Số vụ đình công và bế xưởng đang diễn ra	Ngành kinh tế	Tỉ lệ	HSHC, KSCS	Thu thập
		Số NLĐ tham gia vào đình công và bế xưởng	Ngành kinh tế	Người	HSHC, KSCS	Thu thập
Các chỉ số về nguồn lực	Nhân lực	Thanh tra viên lao động	Giới tính	Người	HSTTLĐ	Thu thập
			Vùng	Người	HSTTLĐ	Thu thập
			Chuyên môn	Người	HSTTLĐ	Thu thập
			Cấp bậc	Người	HSTTLĐ	Thu thập
		Cán bộ hành chính hỗ trợ việc thanh tra	Vùng	Người	HSTTLĐ	Thu thập
		Tỉ lệ thanh tra viên trên 100.000 NLĐ được bao phủ bởi thanh tra lao động	Vùng	Tỉ lệ	HSTTLĐ	Tính toán
		Tỉ lệ thanh tra viên trên 100.000 NLĐ	Vùng	Tỉ lệ	HSTTLĐ	Tính toán
		Tỉ lệ thanh tra viên trên 100.000 NLĐ làm công ăn lương	Vùng	Tỉ lệ	HSTTLĐ	Tính toán
		Số đơn vị kinh tế được thanh tra trên mỗi thanh tra viên	Vùng	Tỉ số	HSTTLĐ	Tính toán
	Nguồn lực tài chính	Ngân sách của (các) cơ quan thanh tra		Nội tệ	TKQG, HSHC, SLUTCT	Thu thập
		Tỉ lệ ngân sách phân bổ cho (các) cơ quan thanh tra lao động trên tổng số ngân sách của Bộ chủ quản hoặc cơ quan tương ứng		%	TKQG, HSHC, SLUTCT	Tính toán
		Tỉ lệ ngân sách phân bổ cho (các) cơ quan thanh tra lao động trên tổng số ngân sách của hệ thống Quản lý hành chính Nhà nước		%	TKQG, HSHC, SLUTCT	Tính toán
		Tỉ lệ tăng phân bổ ngân sách cho (các) cơ quan thanh tra lao động theo điều kiện thực tế		%	TKQG, HSHC, SLUTCT	Tính toán



Nhóm chỉ số	Phân nhóm chỉ số	Chỉ số	Phân tố	Đơn vị	Nguồn số liệu	Số liệu được thu thập hay được tính toán
Các chỉ số về nguồn lực (tiếp theo)	Điều kiện làm việc của thanh tra lao động	Số văn phòng làm việc dành cho (các) cơ quan thanh tra lao động	Vùng	Văn phòng	HSTTLĐ	Thu thập
		Số văn phòng làm việc dành cho (các) cơ quan thanh tra lao động có truy cập Internet	Vùng	Văn phòng	HSTTLĐ	Thu thập
		Tỉ lệ văn phòng làm việc của (các) cơ quan thanh tra lao động có truy cập Internet	Vùng	%	HSTTLĐ	Tính toán
		Số máy tính làm việc dành cho (các) cơ quan thanh tra lao động sử dụng	Vùng	Máy tính	HSTTLĐ	Thu thập
		Số máy tính làm việc dành cho (các) cơ quan thanh tra lao động sử dụng tính trên mỗi thanh tra viên	Vùng	Tỉ lệ	HSTTLĐ	Tính toán
		Số máy tính làm việc dành cho (các) cơ quan thanh tra lao động sử dụng có truy cập Internet	Vùng	Máy tính	HSTTLĐ	Thu thập
		Số máy tính làm việc dành cho (các) cơ quan thanh tra lao động sử dụng có truy cập Internet tính trên mỗi thanh tra viên	Vùng	Tỉ lệ	HSTTLĐ	Tính toán
		Số phương tiện di chuyển (các) cơ quan thanh tra lao động được sử dụng	Vùng	Xe	HSTTLĐ	Thu thập
		Số phương tiện di chuyển (các) cơ quan thanh tra lao động được sử dụng tính trên mỗi thanh tra viên	Vùng	Tỉ lệ	HSTTLĐ	Tính toán
Các chỉ số về công việc đã thực hiện	Các hành động thanh tra	Hành động thanh tra	Thanh tra theo kế hoạch hoặc thanh tra đột xuất	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Vùng	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
		Các hành động thanh tra theo kế hoạch	Vùng	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Loại hành động	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Ngành kinh tế	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Quy mô đơn vị kinh tế	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Số thanh tra viên được phân công	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Số sai phạm đã phát hiện	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Sau khi thanh tra có phát sinh thủ tục nào không	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập

Nhóm chỉ số	Phân nhóm chỉ số	Chỉ số	Phân tố	Đơn vị	Nguồn số liệu	Số liệu được thu thập hay được tính toán
Các chỉ số về công việc đã thực hiện	Các hành động thanh tra (tiếp)	Các hành động thanh tra đột xuất	Vùng	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Nguyên nhân (kiếu nại chính thức hoặc báo cáo)	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Lý do chính dẫn đến khiếu nại chính thức hoặc báo cáo	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Loại hành động thanh tra	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Ngành kinh tế	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Quy mô đơn vị kinh tế	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Số thanh tra viên được phân công	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Số sai phạm đã phát hiện	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Sau khi thanh tra có phát sinh thủ tục nào không	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
	Cuộc thanh tra	Số cuộc thanh tra	Thanh tra theo kế hoạch hoặc thanh tra đột xuất	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Vùng	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
		Số cuộc thanh tra theo kế hoạch	Vùng	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Phân loại cuộc thanh tra (thanh tra lần đầu, kiểm tra sau thanh tra, loại khác)	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Ngành kinh tế	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Quy mô đơn vị kinh tế	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Số thanh tra viên được phân công	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Số sai phạm đã phát hiện	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Sau khi thanh tra có phát sinh thủ tục nào không	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Thanh tra có báo trước không	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập



Nhóm chỉ số	Phân nhóm chỉ số	Chỉ số	Phân tử	Đơn vị	Nguồn số liệu	Số liệu được thu thập hay được tính toán
Các chỉ số về công việc đã thực hiện (tiếp)	Cuộc thanh tra (tiếp)	Số cuộc thanh tra đột xuất	Vùng	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Nguyên nhân (kiếu nại chính thức hoặc báo cáo)	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Lý do chính dẫn đến khiếu nại chính thức hoặc báo cáo	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Phân loại cuộc thanh tra (đến thanh tra lần đầu, đến kiểm tra sau thanh tra, loại khác)	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Ngành kinh tế	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Quy mô đơn vị kinh tế	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Số thanh tra viên được phân công	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Số sai phạm đã phát hiện	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Sau khi thanh tra có phát sinh thủ tục nào không	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Thanh tra có báo trước hay không báo trước	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
		Tỉ lệ số cuộc thanh tra theo kế hoạch trên số cuộc thanh tra đột xuất	Vùng	Tỉ số	HSTTLĐ	Tính toán
			Phân loại cuộc thanh tra (đến thanh tra lần đầu, đến kiểm tra sau thanh tra, loại khác)	Tỉ số	HSTTLĐ	Tính toán
			Ngành kinh tế	Tỉ số	HSTTLĐ	Tính toán
			Quy mô đơn vị kinh tế	Tỉ số	HSTTLĐ	Tính toán
			Số thanh tra viên được phân công	Tỉ số	HSTTLĐ	Tính toán
			Số sai phạm đã phát hiện	Tỉ số	HSTTLĐ	Tính toán
			Sau khi thanh tra có phát sinh thủ tục nào không	Tỉ số	HSTTLĐ	Tính toán



Nhóm chỉ số	Phân nhóm chỉ số	Chỉ số	Phân tổ	Đơn vị	Nguồn số liệu	Số liệu được thu thập hay được tính toán
Các chỉ số về công việc đã thực hiện (tiếp)	Cuộc thanh tra (tiếp)	Số cuộc thanh tra đến lần đầu thuộc loại thanh tra theo kế hoạch	Vùng	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Ngành kinh tế	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Quy mô đơn vị kinh tế	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Số thanh tra viên được phân công	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Số sai phạm đã phát hiện	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Sau khi thanh tra có phát sinh thủ tục nào không	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Thanh tra có báo trước hay không báo trước	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
		Số cuộc thanh tra đến lần đầu thuộc loại thanh tra đột xuất	Vùng	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Nguyên nhân (khiếu nại chính thức hoặc báo cáo)	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Lý do chính của báo cáo chính thức hoặc báo cáo	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Ngành kinh tế	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Quy mô đơn vị kinh tế	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Số thanh tra viên được phân công	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Số sai phạm đã phát hiện	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Sau khi thanh tra có phát sinh thủ tục nào không	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Thanh tra có báo trước hay không báo trước	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập

Nhóm chỉ số	Phân nhóm chỉ số	Chỉ số	Phân tử	Đơn vị	Nguồn số liệu	Số liệu được thu thập hay được tính toán
Các chỉ số về công việc đã thực hiện (tiếp)	Cuộc thanh tra (tiếp)	Tỉ lệ % sai phạm theo từng chủ đề được phát hiện qua các cuộc thanh tra	Thanh tra theo kế hoạch hoặc thanh tra đột xuất	%	HSTTLĐ	Tính toán
			Phân loại cuộc thanh tra (đến thanh tra lần đầu, đến kiểm tra sau thanh tra, loại khác)	%	HSTTLĐ	Tính toán
			Vùng	%	HSTTLĐ	Tính toán
			Ngành kinh tế	%	HSTTLĐ	Tính toán
			Quy mô đơn vị kinh tế	%	HSTTLĐ	Tính toán
			Thanh tra có báo trước hay không báo trước	%	HSTTLĐ	Tính toán
		Số đơn vị kinh tế được thanh tra	Vùng	Đơn vị kinh tế	HSTTLĐ	Thu thập
			Ngành kinh tế	Đơn vị kinh tế	HSTTLĐ	Thu thập
			Quy mô đơn vị kinh tế	Đơn vị kinh tế	HSTTLĐ	Thu thập
			Số cuộc thanh, kiểm tra	Đơn vị kinh tế	HSTTLĐ	Thu thập
			Số sai phạm đã phát hiện	Đơn vị kinh tế	HSTTLĐ	Thu thập
			Sau khi thanh tra có phát sinh thủ tục nào không	Đơn vị kinh tế	HSTTLĐ	Thu thập
		Số cuộc thanh tra tiến hành vào ban đêm	Vùng	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Ngành kinh tế	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Quy mô đơn vị kinh tế	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Lý do chính	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Số sai phạm đã phát hiện	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập

Nhóm chỉ số	Phân nhóm chỉ số	Chỉ số	Phân tử	Đơn vị	Nguồn số liệu	Số liệu được thu thập hay được tính toán
Các chỉ số về công việc đã thực hiện (tiếp)	Khiếu nại chính thức và báo cáo	Số khiếu nại chính thức đã nhận được	Loại khiếu nại	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Giới tính của NLĐ hoặc của đa số NLĐ liên quan	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Tuổi của NLĐ hoặc của đa số NLĐ liên quan	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Khiếu nại liên quan đến NLĐ trong nước hay NLĐ nước ngoài	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Lý do chính	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Vùng	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Ngành kinh tế	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Quy mô đơn vị kinh tế	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Khiếu nại có dẫn đến hành động thanh tra nào không	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
		Số khiếu nại chính thức đã xử lý	Loại khiếu nại	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Giới tính của NLĐ hoặc của đa số NLĐ có liên quan	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Tuổi của NLĐ hoặc của đa số NLĐ có liên quan	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Khiếu nại liên quan đến NLĐ trong nước hay NLĐ nước ngoài	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Lý do chính	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Vùng	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Ngành kinh tế	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Quy mô đơn vị kinh tế	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Khiếu nại có dẫn đến hành động thanh tra nào không	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập



Nhóm chỉ số	Phân nhóm chỉ số	Chỉ số	Phân tử	Đơn vị	Nguồn số liệu	Số liệu được thu thập hay được tính toán
Các chỉ số về công việc đã thực hiện (tiếp)	Khiếu nại chính thức và báo cáo (tiếp)	Số khiếu nại chính thức dẫn đến hành động thanh tra	Loại khiếu nại	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Giới tính của NLĐ hoặc của đa số NLĐ liên quan	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Tuổi của NLĐ hoặc của đa số NLĐ liên quan	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Lý do chính	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Vùng	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Ngành kinh tế	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Quy mô đơn vị kinh tế	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
		Số báo cáo đã nộp	Lý do chính	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Vùng	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Ngành kinh tế	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Quy mô đơn vị kinh tế	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Báo cáo có dẫn đến hành động thanh tra nào không	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
		Số báo cáo đã nộp và đã được xử lý	Lý do chính	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Vùng	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Ngành kinh tế	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Quy mô đơn vị kinh tế	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Báo cáo có dẫn đến hành động thanh tra nào không	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
		Số báo cáo dẫn đến hành động thanh tra	Lý do chính	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Vùng	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Ngành kinh tế	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Quy mô đơn vị kinh tế	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập

Nhóm chỉ số	Phân nhóm chỉ số	Chỉ số	Phân tử	Đơn vị	Nguồn số liệu	Số liệu được thu thập hay được tính toán
Các chỉ số về công việc đã thực hiện (tiếp)	Điều tra TNLĐ	Số TNLĐ được điều tra	Chết người hoặc không chết người	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Vùng	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Ngành kinh tế	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
		Số TTNN được điều tra	Chết người hoặc không chết người	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Giới tính	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Vùng	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Ngành kinh tế	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
		Số ca mắc BNN được điều tra	Chết người hoặc không chết người	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Giới tính	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Vùng	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Ngành kinh tế	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
	Kết quả công việc của (các) cơ quan thanh tra lao động	Số cuộc kiểm tra sau thanh tra	Vùng	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Ngành kinh tế	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Quy mô đơn vị kinh tế	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Sai phạm đã được khắc phục hoàn toàn hay chưa	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
		Số cuộc kiểm tra sau thanh tra nhận thấy các sai phạm đã được khắc phục hoàn toàn	Vùng	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Ngành kinh tế	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Quy mô đơn vị kinh tế	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Biện pháp trừng phạt đã áp dụng (phạt tiền, đình chỉ hoạt động, biện pháp khác)	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Số tiền phạt đã áp dụng	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Lĩnh vực sai phạm	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập



Nhóm chỉ số	Phân nhóm chỉ số	Chỉ số	Phân tố	Đơn vị	Nguồn số liệu	Số liệu được thu thập hay được tính toán
Các chỉ số về công việc đã thực hiện (tiếp)	Kết quả công việc của (các) cơ quan thanh tra lao động (tiếp)	Số cuộc kiểm tra sau thanh tra nhận thấy các sai phạm chưa được khắc phục hoàn toàn	Vùng	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Ngành kinh tế	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Quy mô đơn vị kinh tế	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Biện pháp trừng phạt đã áp dụng (phạt tiền, đình chỉ hoạt động, biện pháp khác)	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Số tiền phạt đã áp dụng	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Lĩnh vực sai phạm	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
		Tỉ lệ cuộc kiểm tra sau thanh tra nhận thấy các sai phạm đã được khắc phục hoàn toàn	Vùng	%	HSTTLĐ	Tính toán
			Ngành kinh tế	%	HSTTLĐ	Tính toán
			Quy mô đơn vị kinh tế	%	HSTTLĐ	Tính toán
			Biện pháp trừng phạt đã áp dụng (phạt tiền, đình chỉ hoạt động, biện pháp khác)	%	HSTTLĐ	Tính toán
			Số tiền phạt đã áp dụng	%	HSTTLĐ	Tính toán
			Lĩnh vực sai phạm	%	HSTTLĐ	Tính toán
		Số đơn vị kinh tế vi phạm đã hoàn toàn khắc phục sai phạm	Vùng	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Ngành kinh tế	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Quy mô đơn vị kinh tế	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Biện pháp trừng phạt đã áp dụng (phạt tiền, đình chỉ hoạt động, biện pháp khác)	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Số tiền phạt đã áp dụng	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Lĩnh vực sai phạm	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập

Nhóm chỉ số	Phân nhóm chỉ số	Chỉ số	Phân tố	Đơn vị	Nguồn số liệu	Số liệu được thu thập hay được tính toán
Các chỉ số về công việc đã thực hiện (tiếp)	Kết quả công việc của (các) cơ quan thanh tra lao động (tiếp)	Số đơn vị kinh tế vi phạm chưa hoàn toàn khắc phục sai phạm	Vùng	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Ngành kinh tế	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Quy mô đơn vị kinh tế	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Biện pháp trừng phạt đã áp dụng (phạt tiền, đình chỉ hoạt động, biện pháp khác)	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Số tiền phạt đã áp dụng	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Lĩnh vực sai phạm	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
		Tỉ lệ đơn vị kinh tế vi phạm đã hoàn toàn khắc phục sai phạm	Vùng	%	HSTTLĐ	Tính toán
			Ngành kinh tế	%	HSTTLĐ	Tính toán
			Quy mô đơn vị kinh tế	%	HSTTLĐ	Tính toán
			Biện pháp trừng phạt đã áp dụng (phạt tiền, đình chỉ hoạt động, biện pháp khác)	%	HSTTLĐ	Tính toán
			Số tiền phạt đã áp dụng	%	HSTTLĐ	Tính toán
			Lĩnh vực sai phạm	%	HSTTLĐ	Tính toán
		Tỉ lệ đơn vị kinh tế vi phạm chưa hoàn toàn khắc phục sai phạm	Vùng	%	HSTTLĐ	Tính toán
			Ngành kinh tế	%	HSTTLĐ	Tính toán
			Quy mô đơn vị kinh tế	%	HSTTLĐ	Tính toán
			Biện pháp trừng phạt đã áp dụng (phạt tiền, đình chỉ hoạt động, biện pháp khác)	%	HSTTLĐ	Tính toán
			Số tiền phạt đã áp dụng	%	HSTTLĐ	Tính toán
			Lĩnh vực sai phạm	%	HSTTLĐ	Tính toán

Nhóm chỉ số	Phân nhóm chỉ số	Chỉ số	Phân tổ	Đơn vị	Nguồn số liệu	Số liệu được thu thập hay được tính toán
Các chỉ số về hiệu suất và chất lượng	Thời gian phản ứng của (các) cơ quan thanh tra lao động	Thời gian từ khi khiếu nại chính thức hoặc báo cáo được nộp lên tới khi tiến hành cuộc thanh tra đầu tiên (nếu có)	Vùng	Ngày	HSTTLĐ	Thu thập
			Ngành kinh tế	Ngày	HSTTLĐ	Thu thập
			Quy mô đơn vị kinh tế	Ngày	HSTTLĐ	Thu thập
			Chủ đề	Ngày	HSTTLĐ	Thu thập
		Thời gian từ cuộc thanh tra đầu tiên đến khi tiến hành cuộc kiểm tra sau thanh tra (nếu có)	Vùng	Ngày	HSTTLĐ	Thu thập
			Ngành kinh tế	Ngày	HSTTLĐ	Thu thập
			Quy mô đơn vị kinh tế	Ngày	HSTTLĐ	Thu thập
			Chủ đề	Ngày	HSTTLĐ	Thu thập
		Thời gian từ khi phát hiện sai phạm đến khi sai phạm được khắc phục (nếu có)	Vùng	Ngày	HSTTLĐ	Thu thập
			Ngành kinh tế	Ngày	HSTTLĐ	Thu thập
			Quy mô đơn vị kinh tế	Ngày	HSTTLĐ	Thu thập
			Chủ đề	Ngày	HSTTLĐ	Thu thập

Nhóm chỉ số	Phân nhóm chỉ số	Chỉ số	Phân tố	Đơn vị	Nguồn số liệu	Số liệu được thu thập hay được tính toán
Các chỉ số về hiệu suất và chất lượng (tiếp)	Thời gian phản ứng của (các) cơ quan thanh tra lao động (tiếp)	Thời gian điều tra trung bình cho tới khi áp dụng biện pháp trừng phạt với doanh nghiệp vi phạm (nếu có phạt)	Vùng	Ngày	HSTTLĐ	Thu thập
			Ngành kinh tế	Ngày	HSTTLĐ	Thu thập
			Quy mô đơn vị kinh tế	Ngày	HSTTLĐ	Thu thập
			Chủ đề	Ngày	HSTTLĐ	Thu thập
		Số cuộc thanh tra bị trì hoãn hoặc không tiến hành trong thời hạn dự kiến	Vùng	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Ngành kinh tế	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Quy mô đơn vị kinh tế	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
			Số thanh tra viên được phân công	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
	Quy mô của những hoạt động đã thực hiện/ không thực hiện	Số khiếu nại chính thức chưa được xử lý	Loại khiếu nại	Vụ	HSTTLĐ	Tính toán
			Giới tính của NLD hoặc của đa số NLD liên quan	Vụ	HSTTLĐ	Tính toán
			Tuổi của NLD hoặc của đa số NLD liên quan	Vụ	HSTTLĐ	Tính toán
			Khiếu nại liên quan đến NLD trong nước hay NLD nước ngoài	Vụ	HSTTLĐ	Tính toán
			Lý do chính	Vụ	HSTTLĐ	Tính toán
			Vùng	Vụ	HSTTLĐ	Tính toán
			Ngành kinh tế	Vụ	HSTTLĐ	Tính toán
			Quy mô đơn vị kinh tế	Vụ	HSTTLĐ	Tính toán
			Khiếu nại có dẫn đến hành động thanh tra nào không	Vụ	HSTTLĐ	Tính toán
		Tỉ lệ khiếu nại chính thức chưa được xử lý		%	HSTTLĐ	Tính toán



Nhóm chỉ số	Phân nhóm chỉ số	Chỉ số	Phân tố	Đơn vị	Nguồn số liệu	Số liệu được thu thập hay được tính toán
Các chỉ số về hiệu suất và chất lượng (tiếp)	Quy mô của những hoạt động đã thực hiện/ không thực hiện (tiếp)	Số báo cáo chưa được xử lý	Lý do chính	Vụ	HSTTLĐ	Tính toán
			Vùng	Vụ	HSTTLĐ	Tính toán
			Ngành kinh tế	Vụ	HSTTLĐ	Tính toán
			Quy mô đơn vị kinh tế	Vụ	HSTTLĐ	Tính toán
		Tỉ lệ báo cáo chưa được xử lý		%	HSTTLĐ	Tính toán
		Tỉ lệ TNLĐ đã báo cáo và được điều tra	Chết người hoặc không chết người	%	HSTTLĐ	Tính toán
			Vùng	%	HSTTLĐ	Tính toán
			Ngành kinh tế	%	HSTTLĐ	Tính toán
		Tỉ lệ TTNN đã báo cáo và được điều tra	Chết người hoặc không chết người	%	HSTTLĐ	Tính toán
			Giới tính	%	HSTTLĐ	Tính toán
			Vùng	%	HSTTLĐ	Tính toán
			Ngành kinh tế	%	HSTTLĐ	Tính toán
		Tỉ lệ mắc BNN đã báo cáo và được điều tra	Chết người hoặc không chết người	%	HSTTLĐ	Tính toán
			Giới tính	%	HSTTLĐ	Tính toán
			Vùng	%	HSTTLĐ	Tính toán
			Ngành kinh tế	%	HSTTLĐ	Tính toán
	Hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực của (các) cơ quan thanh tra lao động	Số cuộc thanh, kiểm tra trung bình trên một thanh tra viên	Giới tính	Tỉ số	HSTTLĐ	Tính toán
			Vùng	Tỉ số	HSTTLĐ	Tính toán
			Ngành kinh tế	Tỉ số	HSTTLĐ	Tính toán

Nhóm chỉ số	Phân nhóm chỉ số	Chỉ số	Phân tố	Đơn vị	Nguồn số liệu	Số liệu được thu thập hay được tính toán
Các chỉ số về hiệu suất và chất lượng (tiếp)	Hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực của (các) cơ quan thanh tra lao động (tiếp)	Thời gian trung bình của một cuộc	Vùng	Giờ	HSTTLĐ	Tính toán
			Ngành kinh tế	Giờ	HSTTLĐ	Tính toán
			Quy mô đơn vị kinh tế	Giờ	HSTTLĐ	Tính toán
			Chủ đề	Giờ	HSTTLĐ	Tính toán
	Tác động của (các) cơ quan thanh tra lao động đối với điều kiện làm việc	Số vi phạm được phát hiện chỉ liên quan đến 01 NLĐ đã được khắc phục hoàn toàn		Vụ	HSTTLĐ	Thu thập
		Số vi phạm được phát hiện liên quan đến nhiều hơn 01 NLĐ đã được khắc phục hoàn toàn	Số NLĐ liên quan trong mỗi vụ	Vụ	HSTTLĐ	Thu thập

PHỤ LỤC 2

VÍ DỤ VỀ CÁC BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU

Số cán bộ nhân viên của các cơ quan thanh tra lao động phân tổ theo giới tính, vùng, chuyên môn và cấp bậc

Chuyên môn và cấp bậc	Tổng				Nam				Nữ			
	Vùng 1	Vùng 2	...	Tổng	Vùng 1	Vùng 2	...	Tổng	Vùng 1	Vùng 2	...	Tổng
Chuyên gia về lao động và điều kiện làm việc												
	Thủ trưởng											
	Giám sát viên											
	Thanh tra viên											
	Trợ lý/phụ tá cho thanh tra viên											
Chuyên gia về an toàn và sức khỏe	Khác											
	Thủ trưởng											
	Giám sát viên											
	Thanh tra viên											
Chuyên gia về BHXH	Trợ lý/phụ tá cho thanh tra viên											
	Khác											
	Thủ trưởng											
	Giám sát viên											
	Thanh tra viên											
	Trợ lý/phụ tá cho thanh tra viên											
	Khác											
	Thủ trưởng											
	Giám sát viên											
	Thanh tra viên											
	Trợ lý/phụ tá cho thanh tra viên											
	Khác											

Số cán bộ nhân viên của cơ quan thanh tra lao động phân tổ theo giới tính, vùng, chuyên môn và cấp bậc (tiếp)

[illegible]

Số cuộc thanh tra theo kế hoạch và thanh tra đột xuất theo vùng, ngành kinh tế và quy mô đơn vị kinh tế

Số cuộc thanh tra

[illegible]

Số cuộc thanh tra theo kế hoạch và thanh tra đột xuất theo vùng, ngành kinh tế và quy mô đơn vị kinh tế (tiếp)

Ngành kinh tế (theo ISIC 4) và quy mô đơn vị kinh tế	Tổng				Thanh tra theo kế hoạch				Thanh tra đột xuất			
	Vùng 1	Vùng 2	...	Tổng	Vùng 1	Vùng 2	...	Tổng	Vùng 1	Vùng 2	...	Tổng
B. Khai thác mỏ												
1 - 4 NLD												
5 - 19 NLD												
20 - 49 NLD												
50 - 99 NLD												
100 - 499 NLD												
≥500 NLD												
C. Sản xuất chế biến												
1 - 4 NLD												
5 - 19 NLD												
20 - 49 NLD												
50 - 99 NLD												
100 - 499 NLD												
≥500 NLD												
Các ngành khác (*)												
Tổng												
1 - 4 NLD												
5 - 19 NLD												
20 - 49 NLD												
50 - 99 NLD												
100 - 499 NLD												
≥500 NLD												

* Phân loại Ngành theo Tiêu chuẩn Quốc tế phiên bản 4 (ISIC 4) có tại đây: <http://unstats.un.org/unsd/cr/registry/regcst.asp?Cl=27>

Tỷ lệ % những sai phạm chính trong các lĩnh vực, được phát hiện qua các cuộc thanh tra theo kế hoạch và thanh tra đột xuất, phân bố theo vùng và ngành kinh tế

Tỷ lệ %

[illegible]

Tỉ lệ % những sai phạm chính trong các lĩnh vực, được phát hiện qua các cuộc thanh tra theo kế hoạch và thanh tra đột xuất, phân bố theo vùng và ngành kinh tế (tiếp)

Tỉ lệ %

Loại vi phạm được phát hiện và ngành kinh tế (theo ISIC 4)	Tổng				Thanh tra theo kế hoạch				Thanh tra đột xuất			
	Vùng 1	Vùng 2	...	Tổng	Vùng 1	Vùng 2	...	Tổng	Vùng 1	Vùng 2	...	Tổng
C. Sản xuất chế biến	100%	100%	...	100%	100%	100%	...	100%	100%	100%	...	100%
v.v	Không trả lương											
	Không áp dụng mức lương tối thiểu											
	Giờ làm việc vượt quá quy định											
	Vi phạm ATSKNN											
	Công việc không khai báo											
	Đe dọa hoặc quấy rối											
	Không báo cáo TNLĐ											
	Lao động trẻ em độc hại											
	Khác											
	Tổng	100%	100%	...	100%	100%	...	100%	100%	100%	...	100%
	Không trả lương											
	Không áp dụng mức lương tối thiểu											
	Giờ làm việc vượt quá quy định											
	Vi phạm ATSKNN											
	Công việc không khai báo											
	Đe dọa hoặc quấy rối											
	Không báo cáo TNLĐ											
	Lao động trẻ em độc hại											
	Khác											
	Tổng											

Số đơn vị kinh tế được thanh tra theo vùng, ngành kinh tế, quy mô đơn vị kinh tế, quy mô đơn vị kinh tế và số cuộc thanh tra (tiếp)

Số đơn vị kinh tế đã được thanh tra

Ngành kinh tế (theo ISIC 4) và quy mô đơn vị kinh tế	Tổng					1 cuộc thanh tra					2 cuộc thanh tra				
	Vùng 1	Vùng 2	...	Tổng		Vùng 1	Vùng 2	...	Tổng		Vùng 1	Vùng 2	...	Tổng	
Tổng															
1 - 4 NLD															
5 - 9 NLD															
20 - 49 NLD															
50 - 99 NLD															
100 - 499 NLD															
≥500 NLD															

Công tác thống kê trong thanh tra lao động đóng một vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ các Chính phủ, Bộ Lao động và cơ quan thanh tra lao động xây dựng các chính sách, hệ thống, chương trình và chiến lược quốc gia về thanh tra lao động.

Những phát hiện của Báo cáo 2011 về Quản lý Lao động và Thanh tra Lao động kêu gọi sử dụng một phương pháp chung để thu thập và tổng hợp số liệu thanh tra lao động nhằm cải thiện tính nhất quán của số liệu thống kê thanh tra lao động mà các Quốc gia thành viên cung cấp trong các báo cáo hàng năm theo yêu cầu của Công ước về Thanh tra Lao động, 1947 (số 81) và Công ước về Thanh tra Lao động (Nông nghiệp), 1969 (số 129).

Sau khi hoàn thành một nghiên cứu, Văn phòng Tổ chức Lao động Quốc tế đã xác định một phương pháp để thống nhất việc sử dụng các thuật ngữ và định nghĩa phổ biến cũng như các quy trình chung để thu thập và tổng hợp dữ liệu thanh tra lao động. Văn phòng cũng kết hợp một số khuyến nghị bổ sung nhằm hướng tới mục tiêu hài hòa hóa thống kê trong thanh tra lao động.

Hướng dẫn này nhằm hỗ trợ các Chính phủ thực hiện phương pháp nêu trên. Sự hỗ trợ này không chỉ nhằm giúp phát triển và củng cố hệ thống thống kê thanh tra lao động mà còn tạo thuận lợi cho việc tăng cường phối hợp và hợp tác giữa các cơ quan thanh tra lao động trong nước, các tổ chức khác của Chính phủ và tất cả các bên liên quan.



**Ban Quản lý Lao động, Thanh tra Lao động,
An toàn – Sức khỏe Nghề nghiệp
(LABADMIN/OSH)
Tổ chức Lao động Quốc tế**

Route des Morillons 4
CH-1211 Geneva 22 Thụy Sĩ
ĐT: +41 22 799 67 15
Fax: +41 22 799 68 78
E-mail: labadmin-osh@ilo.org
www.ilo.org/labadmin-osh

ISBN 978-22-0-40617-5



9 789220 406175